DỮ LIỆU SINH VIÊN XÉT HỌC BỔNG NGUYỄN THANH BÌNH 2022-2023

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
34	2020602453	Nguyễn Thanh Thảo	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A	2	30	65	1.70	68	Khá	4	2	28	40	-	-	2,014	-	-	-	-	-	3	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC <2.0; có HP < 1.0
35	2020603358	Phan Thị Nụ	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A	2	30	65	1.15	62	bình	9	4	40	40	-	-	2,021	-	-	-	-	-	3	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC <2.0; ĐRL < 65; có HP < 1.0
73	2021601912	Nguyễn Xuân Đạt	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A	2	30	65	2.69	80	Tốt	1	0	32	38	-	-	-	bố	-	-	-	-	3	#N/A	1	Đạt	
114	2022603689	Phạm Văn Mừng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	2	30	65	2.61	70	Khá	2	0	32	32	-	-	-	bố	-	-	x	-	3	#N/A	1	Đạt	
115	2022605114	Đào Quang Nam	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	2	30	65	3.06	76	Khá	1	0	36	32	-	-	MC Bố	-	-	-	-	-	3	#N/A	1	Đạt	
116	2022606949	Trần Quang Hải	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	2	30	65	3.02	76	Khá	1	0	32	32	-	-	MC Bố	-	-	-	-	-	3	#N/A	1	Đạt	
117	2022607500	Nguyễn Trọng Khiêm	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	2	30	65	2.44	77	Khá	2	0	36	32	-	-	-	bố	-	-	-	-	3	#N/A	1	Đạt	
118	2022607287	Lương Thị Quỳnh Trang	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	2	30	65	2.25	71	Khá	3	0	32	32	-	-	MC Mẹ	-	-	-	-	-	3	#N/A	1	Đạt	
168	2021600975	Hoàng Tiến Đạt	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A	2.5	30	80	2.04	71	Khá	5	0	39	33	-	-	-	-	x	-	-	-	4	#N/A	1	Không đạt	Điểm RL < 80; TBC < 2.5
169	2021602448	Nguyễn Duy Hưng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A	2.5	30	80	1.61	69	Khá	8	0	32	33	-	-	-	-	x	-	-	-	4	#N/A	1	Không đạt	Điểm RL < 80; TBC < 2.5
170	2021604198	Đỗ Đăng Lập	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A	2.5	30	80	3.36	93	sắc	0	0	36	38	-	-	-	-	x	-	-	-	4	#N/A	1	Đạt	
196	2021606522	Nguyễn Thế Anh	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A	3.2	30	80	3.15	89	Tốt	1	0	40	33	-	-	-	-	-	-	x	-	5	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2
208	2022602916	Nguyễn Tất Đạt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	3.2	30	80	1.78	67	Khá	5	1	32	32	-	-	-	-	-	-	x	-	5	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 1.0; RL < 80
209	2022603619	Đinh Sỹ Tài	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	3.2	30	80	2.45	67	Khá	3	0	32	32	-	-	-	-	-	-	x	-	5	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; RL < 80
210	2022607887	Lưu Đức Quý	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	3.2	30	80	2.77	72	Khá	1	0	32	32	-	-	-	-	-	-	x	-	5	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; RL < 80
231	2022605908	Nguyễn Hùng Hiếu	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A	3.2	30	80	2.64	82	Tốt	3	1	32	32	-	-	-	-	-	-	x	-	5	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 1.0
258	2020604211	Nguyễn Quang Huy	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	2.90	84	Tốt	2	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 2.0
259	2020607935	Hoàng Văn Thành	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	2.36	80	Tốt	5	0	33	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 2.0
260	2020607136	Triệu Thanh Tùng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	2.92	85	Tốt	2	0	50	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 2.0
275	2021600983	Doãn Minh Tiến	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	2.83	80	Tốt	3	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 2.0
276	2021603494	Đào Mạnh Bình	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	3.08	92	sắc	0	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2
277	2021603927	Nguyễn Thị Hải	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH	3.2	30	80	2.85	85	Tốt	1	0	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	6	#N/A	1	Không đạt	Điểm TBC < 3.2; Có HP < 2.0
302	2021601259	Đặng Việt Anh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A	3.6	30	80	3.62	92	sắc	1	0	47	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	7	#N/A	1	Không đạt	Có HP < 2.0
8	2020603515	Nguyễn Trường Hiếu	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.44	90	sắc	1	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
32	2020601501	Vũ Thu Phương	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.33	89	Tốt	0	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
60	2020601694	Trịnh Bá Quân	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.27	93	sắc	2	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
77	2020608566	Chu Việt Cường	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.24	88	Tốt	1	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
78	2020605575	Nguyễn Thị Thủy	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.24	88	Tốt	0	0	37	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
86	2020605036	Lê Văn Đạt	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.22	88	Tốt	1	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
87	2020603186	Nguyễn Thanh Tùng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.22	88	Tốt	0	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
94	2020600289	Vũ Đình Tuấn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.21	89	Tốt	0	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
123	2020603379	Nguyễn Duy Quang	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.17	87	Tốt	1	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
134	2020601982	Trần Quang Minh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.16	85	Tốt	0	0	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
155	2020606285	Nguyễn Chiến Thắng	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.13	87	Tốt	1	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
174	2020606071	Phùng Việt Hoàng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.11	86	Tốt	1	0	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
195	2020602760	Đỗ Đức Tuân	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.08	91	sắc	1	0	50	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
211	2020606580	Nguyễn Văn Long	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.07	86	Tốt	1	0	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
220	2020602914	Hoàng Minh Quân	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.06	88	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
221	2020604583	Bùi Đình Duy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.06	88	Tốt	1	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
226	2020604846	Nguyễn Quang Trường	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.06	86	Tốt	3	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
228	2020600859	Nguyễn Đức Quân	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.06	83	Tốt	0	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
261	2020605031	Nguyễn Minh Đức	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.03	83	Tốt	1	0	43	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
265	2020600238	Đinh Thị Quỳnh Hoa	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.02	91	sắc	0	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
291	2020607473	Nguyễn Đức Trung	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.01	85	Tốt	1	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
302	2020606882	Hoàng Thị Tuyết	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3	83	Tốt	2	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
303	2020603373	Phạm Quang Bách	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3	83	Tốt	0	0	43	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
319	2020607375	Nguyễn Trần Năm	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.99	89	Tốt	1	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
320	2020602956	Lê Thị Ngọc Yến	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.99	89	Tốt	2	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
323	2020607147	Đỗ Hải Dương	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.99	86	Tốt	1	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
325	2020604018	Lường Ngọc Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.99	84	Tốt	1	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
353	2020605914	Nguyễn Hữu Toàn	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.97	86	Tốt	2	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
354	2020603215	Vũ Quỳnh Nga	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.97	86	Tốt	1	0	43	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
360	2020601141	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.97	83	Tốt	1	0	39	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
370	2020601806	Trần Xuân Phú	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.96	86	Tốt	1	0	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
385	2020606604	Phạm Minh Tuấn	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.95	91	sắc	1	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
386	2020600282	Hồ Ngọc Đại	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.95	88	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
396	2020602421	Phù Xuân Thanh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.95	83	Tốt	0	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
410	2020601630	Nguyễn Trần Tiến	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.94	91	sắc	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
438	2020600799	Nguyễn Hoàng Nam	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.93	85	Tốt	2	0	46	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
456	2020601988	Phạm Duy Đạt	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.92	86	Tốt	1	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
461	2020607030	Trần Đức Tinh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.92	82	Tốt	1	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
477	2020604652	Đào Tất Trường	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.91	96	sắc	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
479	2020602110	Mã Tuấn Kiệt	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.91	86	Tốt	2	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
480	2020603369	Nguyễn Văn Tùng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	86	Tốt	2	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
503	2020601306	Nguyễn Trí Thành	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.90	88	Tốt	1	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
516	2020603888	Nhâm Hùng Cường	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.90	81	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
552	2020600240	Đoàn Thùy Linh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.88	83	Tốt	0	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
553	2020603066	Nguyễn Thành Long	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.88	83	Tốt	2	0	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
554	2020606982	Phạm Hoàng Tú	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.88	83	Tốt	1	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
570	2020603045	Phạm Thị Mai Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.87	86	Tốt	1	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
573	2020603089	Nguyễn Hồng Sơn	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.87	85	Tốt	1	1	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
587	2020603129	Phạm Anh Tuấn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.86	83	Tốt	1	0	35	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
588	2020604144	Trịnh Văn Tùng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.86	83	Tốt	1	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
611	2020606698	Phạm Văn Hiến	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.85	81	Tốt	2	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
619	2020601919	Trần Minh Khoa	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.84	86	Tốt	3	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
621	2020605392	Nguyễn Văn Hưng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.84	85	Tốt	2	1	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
623	2020601581	Trần Phương Thảo	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.84	84	Tốt	0	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
646	2020601643	Nguyễn Văn Thành	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.83	85	Tốt	1	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
650	2020605831	Ngô Thu Thảo	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.83	83	Tốt	3	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
652	2020607556	Nguyễn Thu Hiền	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.83	82	Tốt	3	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
655	2020600353	Dương Văn Mạnh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.83	81	Tốt	0	0	49	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
674	2020602251	Nguyễn Văn Mạnh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.82	83	Tốt	2	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
675	2020607780	Bùi Thanh Tùng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.82	82	Tốt	1	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
682	2020607079	Nguyễn Thị Thu Hoài	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.81	89	Tốt	1	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
686	2020602992	Bùi Quốc Cường	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.81	86	Tốt	2	0	50	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
708	2020605461	Lại Thế Phương Nam	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.80	86	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
714	2020605092	Hoàng Minh Phương	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.80	83	Tốt	0	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
723	2020602638	Phạm Văn Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.80	79	Khá	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
740	2020608294	Đinh Văn Khải	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.79	82	Tốt	0	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
741	2020606667	Đặng Thị Lương	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.79	82	Tốt	3	0	33	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
745	2020600514	Nguyễn Thị Thu Hoài	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.79	81	Tốt	2	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
746	2020605604	Nguyễn Quang Đức	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.79	81	Tốt	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
782	2020606762	Nguyễn Công Đức	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.77	83	Tốt	1	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
789	2020603042	Nghiêm Văn Mạnh	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.77	81	Tốt	3	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
790	2020604464	Tạ Đức Tuyên	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.77	81	Tốt	1	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
809	2020601700	Lê Huy Đệ	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	85	Tốt	3	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
810	2020602786	Nguyễn Bá Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	85	Tốt	2	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
811	2020602944	Nguyễn Xuân Hòa	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	85	Tốt	1	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
813	2020604427	Nguyễn Duy Vương	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	83	Tốt	2	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
817	2020606555	Lê Xuân Trường	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	82	Tốt	2	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
824	2020602295	Nguyễn Trọng Hùng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.76	80	Tốt	2	0	37	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
825	2020601697	Lê Quang Minh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.76	80	Tốt	1	0	39	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
831	2020600128	Nguyễn Quốc Phương	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.76	79	Khá	2	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
848	2020603180	Nguyễn Thị Hải Yến	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.75	90	sắc	0	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
849	2020601621	Lê Trung Kiên	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.75	85	Tốt	3	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
881	2020607826	Trần Văn Vũ	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.74	81	Tốt	1	0	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
901	2020607605	Vũ Mạnh Hùng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.73	83	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
906	2020603170	Vũ Xuân An	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.73	81	Tốt	2	0	48	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
911	2020604978	Trịnh Ngọc Tuấn	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.73	80	Tốt	2	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
927	2020607811	Mai Văn Tiến	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.72	86	Tốt	2	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
928	2020607324	Lưu Việt Hoàng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.72	84	Tốt	0	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
943	2020607313	Phạm Hương Thảo	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.72	80	Tốt	3	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
946	2020602322	Phạm Tùng Lâm	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.72	79	Khá	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
956	2020602845	Phạm Thành Nam	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	86	Tốt	2	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
957	2020600661	Trần Trọng Tiến	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	84	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
959	2020601104	Nguyễn Thị Nga	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	83	Tốt	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
960	2020606833	Trần Quang Bắc	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	83	Tốt	1	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
963	2020603867	Nguyễn Thị Hoài Văn	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	82	Tốt	1	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
964	2020607433	Vũ Quang Hiếu	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	82	Tốt	1	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
968	2020605781	Hoàng Lê Thế Hưng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.71	81	Tốt	1	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
986	2020601453	Nguyễn Thị Hồng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.70	87	Tốt	0	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
991	2020605026	Vũ Ngọc Hùng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.70	84	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
997	2020602881	Nguyễn Hải Linh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.70	83	Tốt	5	0	48	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1001	2020605391	Nguyễn Mạnh Khởi	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.70	81	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1003	2020604372	Ngô Đăng Đạt	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.70	80	Tốt	1	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1023	2020607013	Vũ Thị May	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.69	86	Tốt	2	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1025	2020604401	Lưu Thị Hường	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.69	85	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1033	2020605680	Phan Duy Thập	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.69	82	Tốt	4	0	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1036	2020603163	Nguyễn Hoàng Dương	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.69	81	Tốt	1	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1037	2020607171	Đặng Thế Quyết	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.69	81	Tốt	2	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1041	2020604984	Nguyễn Tiến Phiêu	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.69	80	Tốt	4	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1061	2020606347	Nguyễn Ngọc Huyền	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.68	83	Tốt	1	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
1072	2020605014	Trần Huy Trượng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.68	80	Tốt	2	0	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1092	2020602778	Dương Thành Hoàn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.67	84	Tốt	4	0	36	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1093	2020602583	Trần Mạnh Hùng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.67	84	Tốt	0	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
1099	2020606932	Đoàn Văn Tân	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.67	83	Tốt	4	1	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1108	2020603826	Ngô Ngọc Long	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.67	81	Tốt	2	0	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1137	2020607567	Phạm Văn Linh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.66	80	Tốt	2	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1138	2020604142	Hồ Việt Hùng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.66	80	Tốt	2	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1156	2020601268	Phạm Duy Hùng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.65	82	Tốt	1	0	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1163	2020606568	Tạ Thủy Tiên	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.65	80	Tốt	3	0	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1189	2020604776	Nguyễn Trần Thông	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.64	84	Tốt	1	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1191	2020602769	Nguyễn Minh Đức	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.64	83	Tốt	1	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1197	2020600436	Vũ Hoàng Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.64	81	Tốt	0	0	35	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
1201	2020605880	Đỗ Văn Chí	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.64	80	Tốt	2	0	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1206	2020602697	Nguyễn Trọng Nhật	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.64	78	Khá	2	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1208	2020603746	Trần Phùng Hưng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.64	77	Khá	1	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1210	2020607977	Phạm Thanh Tú	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.64	76	Khá	3	2	37	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1226	2020600051	Nguyễn Văn Hiếu	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.63	83	Tốt	4	0	43	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1233	2020604627	Lê Duy Đức	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.63	80	Tốt	1	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1248	2020602182	Trần Đại Nghĩa	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.63	74	Khá	1	0	16	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1255	2020601820	Phạm Hồng Quang	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.62	82	Tốt	3	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1258	2020605879	Lê Minh Đức	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.62	81	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1279	2020607799	Đinh Tuấn Bút	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.61	82	Tốt	4	0	53	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1288	2020602700	Phạm Thu Thủy	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.61	80	Tốt	3	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1295	2020604453	Vũ Văn Minh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.61	77	Khá	3	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1307	2020606152	Phạm Tiến Đạt	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.60	84	Tốt	2	1	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1315	2020600460	Bùi Trung Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.60	82	Tốt	3	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1323	2020607985	Nguyễn Thị Thùy Linh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.60	80	Tốt	2	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1358	2020601198	Nguyễn Duy Nhâm	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.59	79	Khá	4	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1365	2020606924	Tạ Hồng Phúc	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.59	77	Khá	1	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1372	2020606225	Hà Ngọc Tự	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.59	75	Khá	3	0	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1395	2020605769	Nguyễn Việt Anh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.58	77	Khá	2	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1404	2020604422	Nguyễn Đình Khải	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.57	95	Xuất sắc	2	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1407	2020602591	Lương Văn Tuyên	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.57	83	Tốt	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1413	2020605616	Ngô Thị Bắc	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.57	80	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1421	2020601027	Vũ Hồng Sơn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.57	77	Khá	2	0	42	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1441	2020602481	Bùi Tuấn Anh	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.56	81	Tốt	3	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1442	2020603015	Hoàng Trọng Phúc	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.56	81	Tốt	2	0	34	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1447	2020601017	Trần Văn Quân	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.56	80	Tốt	4	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1448	2020601949	Nguyễn Xuân Tùng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.56	80	Tốt	0	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
1449	2020605686	Nguyễn Hồng Sơn	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.56	80	Tốt	4	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1450	2020601325	Trần Xuân Đức	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.56	80	Tốt	2	1	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1459	2020606668	Đỗ Nam Trường	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.56	77	Khá	3	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1460	2020601981	Nguyễn Công Minh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.56	77	Khá	3	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1480	2020602364	Trần Ngọc Thành	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.55	85	Tốt	2	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1491	2020604369	Lê Trường Quyết	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.55	80	Tốt	2	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1535	2020601791	Nguyễn Văn Tân	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.53	83	Tốt	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1538	2020603201	Lê Đức Bình	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.53	81	Tốt	1	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1542	2020600790	Đỗ Ngọc Sơn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.53	79	Khá	3	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1543	2020607401	Đoàn Quang Anh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.53	79	Khá	3	1	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1549	2020607260	Trần Minh Khánh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.53	77	Khá	3	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1564	2020602873	Nguyễn Việt Hoàng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.52	83	Tốt	1	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1571	2020600736	Nguyễn Ngọc Phan	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.52	81	Tốt	4	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1573	2020600041	Trịnh Bá Thao	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.52	80	Tốt	3	0	49	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1574	2020603932	Đỗ Đông Dương	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.52	79	Khá	3	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1575	2020607191	Trương Mạnh Hùng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.52	79	Khá	4	0	49	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1608	2020607067	Trần Quốc Tài	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.51	79	Khá	2	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1612	2020600901	Nguyễn Minh Đức	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.51	78	Khá	2	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1613	2020603670	Vũ Minh Đức	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.51	78	Khá	3	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1642	2020601287	Vũ Đình Khải	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.50	82	Tốt	2	0	30	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1648	2020605138	Kim Văn Đại	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.50	80	Tốt	2	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1661	2020601956	Nguyễn Hữu Tú	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.50	77	Khá	2	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1662	2020600771	Trương Văn Đức	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.50	77	Khá	5	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1668	2020608066	Đào Đức Phú	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.50	75	Khá	4	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1684	2020605810	Phạm Duy Khánh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.49	80	Tốt	4	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1695	2020607341	Nguyễn Tiến Vinh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.49	77	Khá	2	0	38	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1707	2020604003	Nguyễn Tuấn Anh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.49	74	Khá	2	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1734	2020602593	Vũ Mạnh Hải	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.48	77	Khá	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
1735	2020607561	Đinh Thị Thủy	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.48	77	Khá	3	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1736	2020607509	Phan Duy Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.48	77	Khá	2	1	32	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1737	2020600942	Quách Trường Giang	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.48	77	Khá	3	0	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1752	2020600481	Hạ Phương Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.47	81	Tốt	3	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1760	2020602602	Phạm Văn Đức	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.47	77	Khá	3	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1778	2020602951	Phan Quốc Khải	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.46	82	Tốt	2	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1792	2020602637	Nguyễn Trọng Đông	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.46	76	Khá	4	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1813	2020603413	Trương Văn Linh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.45	81	Tốt	2	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1818	2020604503	Trần Quang Lộc	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.45	79	Khá	2	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1823	2020604870	Nguyễn Quang Huy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.45	77	Khá	0	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
1824	2020600375	Lê Phúc Lâm	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.45	77	Khá	2	1	54	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1829	2020605732	Phạm Đình Khiêm	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.45	76	Khá	2	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1844	2020604025	Nguyễn Thị Thu Huyền	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.44	81	Tốt	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1854	2020602822	Trịnh Hoàng Quân	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.44	76	Khá	3	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1869	2020603430	Nguyễn Cao Tuấn	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.43	82	Tốt	8	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1870	2020601913	Tiêu Tiến Đức	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.43	81	Tốt	3	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1876	2020606039	Hoàng Văn Giáp	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.43	79	Khá	3	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1887	2020605404	Nguyễn Thanh Toàn	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.43	74	Khá	4	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1891	2020608130	Phạm Văn Minh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.43	70	Khá	2	0	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1896	2020606139	Văn Tuấn Vĩ	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.42	80	Tốt	3	1	32	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1913	2020605586	Nguyễn Đức Phương	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.42	77	Khá	2	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1914	2020601662	Nguyễn Quang Huy	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.42	77	Khá	2	1	32	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1941	2020606985	Đặng Văn Hoàng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.41	81	Tốt	3	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1944	2020601719	Nguyễn Mạnh Cường	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.41	80	Tốt	4	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1952	2020603293	Trịnh Ngọc Phúc	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.41	77	Khá	4	2	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1953	2020604386	Nguyễn Văn Thanh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.41	77	Khá	3	1	33	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1960	2020605719	Vũ Quang Khánh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.41	74	Khá	3	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1970	2020600684	Vương Thị Ánh Tuyết	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.40	81	Tốt	4	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
1979	2020605307	Lại Phú Thắng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.40	77	Khá	3	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1983	2020607102	Dương Văn An	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.40	76	Khá	3	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1988	2020603356	Vũ Thị Lan Anh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.40	74	Khá	2	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
1989	2020603281	Vũ Duy Mạnh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.40	74	Khá	3	0	42	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2007	2020601057	Hà Trang	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.39	79	Khá	4	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2014	2020605122	Trần Thị Thu Trang	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.39	77	Khá	4	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2018	2020601023	Xuân Quang Duy	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.39	75	Khá	2	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2019	2020605413	Hoàng Đình Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.39	75	Khá	2	0	35	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2021	2020603912	Lê Thị Nguyệt	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.39	74	Khá	3	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2025	2020600196	Ngô Lê Xuân Đức	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	86	Tốt	4	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2029	2020605594	Nguyễn Mạnh Hùng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	81	Tốt	4	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2030	2020606121	Nguyễn Hữu Lộc	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	81	Tốt	3	2	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2032	2020600645	Nguyễn Quốc Thắng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	80	Tốt	3	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2043	2020603456	Nguyễn Trí Minh Đức	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	78	Khá	3	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2049	2020606174	Nguyễn Xuân Bình	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	77	Khá	3	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2050	2020607563	Hoàng Minh Hạnh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	77	Khá	3	1	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2051	2020605202	Trần Văn Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	77	Khá	3	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2052	2020606178	Trần Bá Quang	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	77	Khá	2	1	47	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2057	2020606754	Nguyễn Xuân Hoàn	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	76	Khá	4	1	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2063	2020602699	Hoàng Thanh Quế	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.38	75	Khá	1	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2064	2020603565	Đỗ Đình Hoàng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.38	75	Khá	4	0	30	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2072	2020600510	Chử Tiến Duy	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	74	Khá	2	1	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2091	2020605535	Khúc Ngọc Nam	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.37	80	Tốt	3	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2094	2020600586	Hoàng Tiến Sơn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.37	78	Khá	3	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2095	2020601626	Bùi Quang Đạt	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.37	77	Khá	5	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2098	2020602979	Trần Hùng Phi	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.37	76	Khá	3	0	26	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2102	2020605700	Nguyễn Đình Văn	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.37	73	Khá	3	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2103	2020601931	Lê Minh Trí	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.37	73	Khá	3	1	26	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2122	2020602491	Trần Hữu Duy Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.36	77	Khá	4	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2126	2020605242	Trần Hồng Thái	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.36	75	Khá	5	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2149	2020605459	Phạm Văn Khánh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.35	80	Tốt	4	1	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2160	2020603325	Hoàng Tiến Thành	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.35	76	Khá	4	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2162	2020600440	Nguyễn Trường Giang	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.35	75	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2163	2020603911	Vương Thị Nguyệt	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.35	75	Khá	4	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2164	2020604162	Vũ Xuân Sinh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.35	75	Khá	3	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2165	2020600590	Dương Thanh Hải	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.35	75	Khá	4	1	39	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2192	2020600286	Nguyễn Khắc Chiến	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.34	77	Khá	5	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2196	2020601203	Lê Hải Đức	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	76	Khá	4	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2197	2020602249	Vũ Đình Hiếu	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	75	Khá	3	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
2198	2020607886	Khúc Đắc Tập	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	75	Khá	2	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2199	2020606918	Nguyễn Quý Nhân	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	75	Khá	3	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2205	2020603850	Nguyễn Thế Huy	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	74	Khá	2	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2206	2020605241	Nguyễn Mạnh Việt	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.34	74	Khá	3	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2228	2020605384	Chu Anh Đào	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.33	77	Khá	2	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2229	2020601906	Bùi Mạnh Đình	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	77	Khá	3	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2240	2020601947	Đào Văn Thế Vinh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	74	Khá	5	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2241	2020605656	Nguyễn Thế Hiếu	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.33	73	Khá	3	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2252	2020603046	Nguyễn Minh Đức	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.32	80	Tốt	3	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2266	2020604747	Vũ Thị Thùy Vân	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.32	75	Khá	2	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2291	2020603461	Đinh Đức Cảnh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.31	76	Khá	3	0	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2297	2020603437	Nghiêm Đình Đạt	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.31	74	Khá	3	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2298	2020604322	Trần Quang Trường	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.31	74	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2306	2020600876	Vũ Đức Trường	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.31	70	Khá	4	1	43	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2338	2020600473	Nguyễn Quang Huy	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.30	72	Khá	3	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2350	2020606771	Trần Trung Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.29	77	Khá	4	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2354	2020600354	Nguyễn Văn Thành	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.29	75	Khá	2	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2357	2020602337	Vũ Đình Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.29	74	Khá	5	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2360	2020607791	Trịnh Khắc Thiện	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.29	73	Khá	5	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2369	2020604999	Trần Hải Dương	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.29	71	Khá	4	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2379	2020604523	Vương Thị Thảo	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.28	77	Khá	3	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2382	2020608052	Hoàng Xuân Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.28	75	Khá	4	1	47	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2388	2020605383	Hoàng Văn Huy	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.28	74	Khá	4	1	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2389	2020600990	Nguyễn Trọng Kính	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.28	74	Khá	2	0	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2391	2020608012	Đỗ Văn Nhất	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.28	73	Khá	3	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2395	2020607270	Nguyễn Xuân Thượng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.28	71	Khá	4	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2402	2020605466	Ngô Tuấn Đạt	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.27	80	Tốt	3	0	42	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2412	2020602144	Nguyễn Văn Lượng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.27	76	Khá	3	1	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2414	2020606272	Vũ Tiến Huy	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	75	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2415	2020605200	Nguyễn Tiến Dũng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.27	75	Khá	3	1	48	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2420	2020606760	Nguyễn Thành Nam	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	74	Khá	2	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2422	2020601065	Nguyễn Xuân Chiến	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	73	Khá	3	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2423	2020601393	Nguyễn Đức Duy	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	73	Khá	6	0	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2426	2020607903	Mai Xuân Lưỡng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	72	Khá	5	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2445	2020603503	Lê Anh Tú	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.26	77	Khá	5	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2446	2020607965	Phạm Văn Toán	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.26	77	Khá	3	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2447	2020601300	Phạm Thanh Tuấn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.26	77	Khá	4	1	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2455	2020604578	Trần Văn Hùng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.26	74	Khá	5	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2474	2020601800	Hoàng Thiên Vũ	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.25	75	Khá	3	0	32	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2482	2020603445	Tô Đức Thắng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.25	69	Khá	2	0	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2483	2020606217	Phùng Văn Hiệp	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.25	69	Khá	2	0	20	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2484	2020601515	Nguyễn Văn Tiến Mạnh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.25	67	Khá	2	1	42	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2493	2020600281	Nguyễn Văn Trường	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	77	Khá	3	1	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2494	2020605170	Nguyễn Huy Hải	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	77	Khá	3	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2513	2020604829	Vũ Văn Chiến	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	74	Khá	3	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2514	2020604804	Vũ Đức Việt	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	74	Khá	4	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2517	2020603132	Nguyễn Mạnh Hùng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	73	Khá	2	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2518	2020603600	Trần Việt Long	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.24	72	Khá	4	1	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2540	2020604773	Nguyễn Trung Vĩnh	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.23	74	Khá	4	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2546	2020600794	Phạm Tiến Đạt	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.23	71	Khá	4	1	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2547	2020607293	Vũ Minh Đạt	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.23	71	Khá	2	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2559	2020604399	Vương Tuấn Chính	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	79	Khá	5	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2561	2020604325	Mẫn Đức Cường	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	77	Khá	4	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2562	2020607622	Vũ Khắc Ngọc	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	77	Khá	4	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2564	2020604593	Nguyễn Duy Tiến	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	76	Khá	4	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2568	2020605887	Trần Tuấn Dương	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	74	Khá	5	1	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2573	2020603052	Ngô Ngọc Kiên	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.22	72	Khá	3	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2592	2020600035	Dương Thế Nam	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.21	76	Khá	6	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2595	2020604707	Trần Văn Duy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.21	74	Khá	5	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2596	2020605916	Hà Văn Hoàn	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.21	74	Khá	3	1	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2597	2020603949	Nguyễn Thế Anh Tài	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.21	74	Khá	3	0	35	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2603	2020607418	Đặng Tiến Đạt	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.21	73	Khá	3	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2619	2020604273	Phạm Thế Liều	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.20	75	Khá	2	1	23	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2620	2020606280	Nguyễn Thành Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	75	Khá	4	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2633	2020604376	Nguyễn Tiến Đạt	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	70	Khá	3	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2645	2020604167	Nguyễn Thị Ngọc	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.19	79	Khá	1	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2659	2020601395	Trịnh Kỳ Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.19	74	Khá	2	1	36	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
2660	2020607813	Nguyễn Văn Chiến	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.19	74	Khá	4	1	49	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2661	2020608193	Bùi Phúc Thiên	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.19	73	Khá	4	0	21	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2669	2020607823	Trần Văn Long	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.19	69	Khá	3	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2672	2020608774	Trần Minh Đức	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.19	67	Khá	5	2	26	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2680	2020607122	Hoàng Tiến Minh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.18	76	Khá	4	0	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2687	2020604971	Nguyễn Thanh Chương	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.18	74	Khá	4	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2689	2020608011	Nguyễn Thị Vân	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.18	73	Khá	5	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2690	2020607239	Bùi Duy Hải	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.18	73	Khá	5	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2699	2020604877	Trịnh Bảo Kiên	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.18	70	Khá	5	1	42	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2703	2020602245	Đỗ Mạnh Hiếu	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.18	67	Khá	4	1	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2704	2020603175	Phạm Trọng Khánh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.18	67	Khá	6	1	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2710	2020608323	Trần Hữu Thịnh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.17	78	Khá	6	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2711	2020604954	Phạm Trọng Bằng	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.17	77	Khá	2	1	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2712	2020606059	Nguyễn Văn Ngọc	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.17	76	Khá	5	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2715	2020602105	Mai Xuân Phong	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.17	75	Khá	5	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2724	2020607484	Nguyễn Văn Chiến	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.17	71	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2729	2020600781	Vũ Quý Kỳ	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.17	69	Khá	2	0	29	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2736	2020607664	Nguyễn Đức Lương	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	80	Tốt	5	0	49	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2742	2020604121	Nguyễn Đức Hải	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	78	Khá	4	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2746	2020604729	Đỗ Đình Hiếu	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	77	Khá	4	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2750	2020605046	Nguyễn Hoàng Quyền	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.16	75	Khá	5	1	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2755	2020605279	Bùi Văn Triệu	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.16	74	Khá	4	1	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2756	2020604636	Nguyễn Xuân Sang	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	73	Khá	4	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2759	2020603478	Trần Hồng Thái	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	72	Khá	2	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2762	2020605379	Mai Ngọc Huy	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.16	69	Khá	6	1	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2767	2020603824	Ngô Ngọc Chinh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.16	49	Yếu	4	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2777	2020604267	Đỗ Quang Tiến	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.15	74	Khá	4	0	36	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2779	2020605295	Nguyễn Đức Duy	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.15	73	Khá	5	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2780	2020607615	Chu Thị Diệp	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.15	73	Khá	4	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2786	2020601506	Nguyễn Công Vinh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.15	72	Khá	3	0	24	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2788	2020603351	Ngô Anh Văn	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.15	71	Khá	4	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2795	2020607888	Thái Văn Hùng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.15	67	Khá	2	1	26	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2811	2020601025	Nguyễn Văn Quyền	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.14	74	Khá	2	0	21	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2816	2020601801	Lê Ngọc Hà	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.14	73	Khá	6	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2817	2020605523	Nguyễn Tiến Cảnh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.14	73	Khá	5	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2825	2020608527	Trần Hữu Trọng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.14	72	Khá	4	1	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2826	2020607336	Lưu Văn Trưởng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.14	72	Khá	4	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2839	2020601588	Vũ Xuân Thịnh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.13	76	Khá	3	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2854	2020601934	Phạm Minh Duy	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.13	67	Khá	4	0	36	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2859	2020601984	Nguyễn Thế Tùng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.12	80	Tốt	4	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
2871	2020608295	Nguyễn Ngọc Tiến	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.12	69	Khá	3	2	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2872	2020608119	Nguyễn Huy Hoàng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.12	69	Khá	2	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2873	2020607009	Vũ Xuân Toàn	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.12	69	Khá	1	1	13	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2887	2020606775	Lương Tiến Đạt	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.11	72	Khá	5	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2908	2020603481	Phạm Văn Lân	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.10	74	Khá	5	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2909	2020604929	Quách Hoài Nam	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.10	74	Khá	4	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2916	2020608272	Trần Hồng Quân	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.10	71	Khá	3	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2918	2020605668	Đào Mạnh Quang	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.10	70	Khá	4	0	25	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2924	2020601601	Lê Tùng Dương	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.10	68	Khá	4	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2944	2020604789	Phạm Văn Hợp	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.09	72	Khá	3	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2953	2020607183	Trần Quang Vũ	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.09	66	Khá	2	0	16	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2964	2020604262	Vũ Văn Phúc	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.08	74	Khá	3	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2965	2020606533	Phan Nhật Minh	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.08	74	Khá	3	1	19	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2966	2020600522	Bùi Quang Hiếu	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.08	74	Khá	5	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2968	2020604975	Nguyễn Thành Đạt	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.08	73	Khá	4	1	30	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2976	2020604158	Đinh Huy Đức	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.08	71	Khá	4	0	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2978	2020602401	Lê Văn Bảo	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.08	68	Khá	5	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2983	2020606104	Đào Viết Tuân	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.08	67	Khá	3	1	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2984	2020608018	Chu Văn Triều	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.08	67	Khá	4	2	37	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2990	2020601477	Nguyễn Duy Khá	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.07	73	Khá	4	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2994	2020601910	Nghiêm Đình Chức	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.07	72	Khá	5	0	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2996	2020603981	Trần Anh Đức	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.07	70	Khá	4	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2997	2020607103	Nguyễn Đức Đạo	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.07	70	Khá	5	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2998	2020601930	Mai Văn Hiệp	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.07	69	Khá	5	1	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
2999	2020605121	Nguyễn Trung Hiếu	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.07	68	Khá	4	1	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3007	2020608004	Hà Đình Trung	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.06	76	Khá	6	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3015	2020606508	Nguyễn Đa Trường	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.06	71	Khá	6	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
3020	2020601178	Quách Xuân Tùng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.06	69	Khá	4	1	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3021	2020603326	Mẫn Thế Vinh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.06	69	Khá	7	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3027	2020604270	Vũ Việt Long	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.06	67	Khá	4	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3033	2020601105	Phạm Vũ Hoàng Long	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.05	75	Khá	5	2	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3035	2020606887	Nguyễn Văn Duy	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.05	74	Khá	2	0	30	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3036	2020605648	Nguyễn Huy Hoàng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.05	74	Khá	5	1	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3044	2020604259	Trương Quốc Tài	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.05	72	Khá	4	1	22	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3052	2020601180	Nguyễn Đức Vượng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.05	68	Khá	5	0	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3057	2020600951	Phan Đình Đạo	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.04	74	Khá	6	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3058	2020608275	Phan Công Tiến	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.04	74	Khá	5	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3082	2020600682	Chu Hải Đăng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.03	73	Khá	4	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3086	2020602899	Kim Ngọc Thiện	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.03	72	Khá	3	2	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3089	2020603294	Nguyễn Thị Khánh Vi	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.03	71	Khá	5	2	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3091	2020606787	Vũ Thành Đạt	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.03	70	Khá	6	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3093	2020607633	Nguyễn Thế Huy Hoàng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.03	69	Khá	7	0	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3094	2020602057	Đinh Tuấn Anh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.03	68	Khá	3	0	18	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3100	2020604052	Nguyễn Quang Đức	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2.02	80	Tốt	4	1	31	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
3102	2020601699	Nguyễn Tuấn Phong	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.02	76	Khá	4	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3110	2020605492	Trần Văn Tỉnh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.02	68	Khá	3	0	24	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3111	2020600324	Trần Kim Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.02	67	Khá	3	1	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3123	2020603748	Phạm Đức Duy	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.01	69	Khá	5	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3124	2020604093	Đặng Duy Nghĩa	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.01	69	Khá	4	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3126	2020602402	Hoàng Tiến Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.01	68	Khá	6	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3128	2020600342	Lê Tuấn Sơn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.01	67	Khá	5	1	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3129	2020605949	Trần Tuyết Nhi	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.01	67	Khá	5	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3139	2020606253	Bùi Mạnh Quang	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2	74	Khá	6	0	46	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3147	2020603669	Trịnh Xuân Đức	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2	71	Khá	4	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3151	2020604886	Trần Đức Trọng	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2	69	Khá	3	0	20	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3152	2020605632	Nguyễn Đình Hải	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2	69	Khá	4	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3153	2020605557	Đặng Hải Hoàng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2	69	Khá	5	0	30	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3154	2020600588	Hà Đức Nghĩa	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2	68	Khá	5	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3155	2020604781	Bùi Nhật Minh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2	68	Khá	4	1	33	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3160	2020600844	Trần Bình Minh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				2	67	Khá	6	0	32	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3171	2020606923	Nguyễn Đình Đông	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	74	Khá	6	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3177	2020600777	Nguyễn Huy Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	72	Khá	5	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3179	2020603936	Trần Đức Duy	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	71	Khá	6	1	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3180	2020607857	Nguyễn Văn Chí	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	71	Khá	7	1	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3181	2020603101	Phan Hồng Phúc	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	70	Khá	6	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3183	2020604253	Bùi Quốc Toàn	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	69	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3185	2020603940	Nguyễn Tuấn Anh	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	68	Khá	5	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3189	2020606814	Phạm Ngọc Phương	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.99	67	Khá	3	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3193	2020601731	Đỗ Chí Thanh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.99	62	bình	4	1	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3202	2020600695	Đặng Văn Hiệp	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.98	72	Khá	6	1	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3209	2020600833	Ninh Văn Nam	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.98	69	Khá	4	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3210	2020608238	Trần Văn Tùng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.98	69	Khá	5	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3211	2020605688	Đào Phương Nam	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.98	69	Khá	3	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3213	2020606254	Nguyễn Văn Thiện	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.98	68	Khá	6	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3230	2020602040	Lê Anh Tuấn	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.97	72	Khá	4	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3233	2020605117	Nguyễn Văn Hải	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.97	71	Khá	7	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3237	2020607486	Nguyễn Thế Lâm	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.97	69	Khá	5	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3238	2020605259	Phạm Xuân Thủy	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.97	68	Khá	3	1	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3240	2020601378	Nguyễn Trọng Tiến	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.97	67	Khá	6	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3247	2020603192	Phạm Thành Sơn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.96	74	Khá	6	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3253	2020607543	Hoàng Thanh Đạt	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.96	72	Khá	5	0	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3261	2020603010	Tạ Vũ Lương	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.96	68	Khá	5	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3264	2020607218	Nguyễn Văn Tùng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.96	67	Khá	4	1	38	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3275	2020607244	Đinh Văn Chiến	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.95	71	Khá	6	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3277	2020606809	Vũ Minh Hoàng	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.95	70	Khá	4	1	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3280	2020608060	Trịnh Xuân Hoàng	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.95	68	Khá	6	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3284	2020602801	Phạm Đức Trung	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	77	Khá	3	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3289	2020603191	Phạm Minh Tuấn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	71	Khá	5	2	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3295	2020607887	Vũ Tuấn Quang	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	70	Khá	4	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3298	2020604838	Nguyễn Tiến Phú	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	69	Khá	6	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3299	2020606100	Nguyễn Đức Mạnh	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	69	Khá	8	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3300	2020606370	Mai Trường Sơn	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	69	Khá	5	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3301	2020600597	Trần Khánh Dư	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	68	Khá	5	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3302	2020600941	Đỗ Đức Trung	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	68	Khá	5	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
3303	2020606281	Nguyễn Văn Mạnh	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.94	68	Khá	3	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3311	2020600792	Nguyễn Hồng Sơn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.93	73	Khá	5	0	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3317	2020604306	Nguyễn Thế Huỳnh	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.93	68	Khá	5	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3323	2020604033	Vũ Mạnh Hải	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.93	67	Khá	6	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3324	2020603939	Vũ Công Bằng	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.93	66	Khá	3	0	22	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3334	2020605911	Bùi Minh Hiếu	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.92	70	Khá	4	0	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3336	2020605654	Nguyễn Thị Tuyết	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.92	69	Khá	5	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3340	2020603868	Nghiêm Đình Tùng	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.92	68	Khá	5	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3343	2020603059	Nguyễn Thành Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.92	67	Khá	7	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3344	2020606913	Nguyễn Đức Trọng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.92	67	Khá	5	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3345	2020602915	Nguyễn Quang Thành	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.92	67	Khá	4	0	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3349	2020601231	Trương Văn Tuấn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.92	62	bình	5	0	31	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3355	2020602650	Đinh Tuấn Kiệt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.91	74	Khá	5	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3366	2020605447	Trần Hoàng Long	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.91	68	Khá	6	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3369	2020603174	Nguyễn Văn Đạt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.91	67	Khá	6	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3377	2020607448	Dương Thế Anh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.90	71	Khá	6	3	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3382	2020603484	Uông Nhật Nam	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.90	68	Khá	8	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3387	2020608113	Nguyễn Văn Liệu	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.90	67	Khá	6	1	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3388	2020607335	Hoàng Quốc Nam	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.90	67	Khá	5	1	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3394	2020600700	Khúc Tuấn Linh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	72	Khá	4	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3398	2020601709	Trần Huy Quang	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	69	Khá	7	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3400	2020608080	Lưu Xuân Toán	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	68	Khá	5	1	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3401	2020605351	Trần Minh Tuấn	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	68	Khá	6	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3402	2020605896	Lê Ngọc Thiện	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	68	Khá	7	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3405	2020603164	Nguyễn Đình Trọng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	67	Khá	7	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3406	2020603150	Nguyễn Quang Nam	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.89	66	Khá	6	2	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3414	2020606898	Bùi Đăng Hải	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	72	Khá	3	1	24	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3417	2020608251	Nguyễn Văn Thế	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	70	Khá	5	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3420	2020607405	Nguyễn Bá Thế	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	69	Khá	5	1	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3421	2020606834	Nguyễn Quốc Việt	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	68	Khá	5	2	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3424	2020600261	Mai Văn Trọng Nghĩa	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	67	Khá	7	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3425	2020604235	Nguyễn Đức Minh Tuấn	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.88	67	Khá	7	2	38	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3426	2020600193	Đoàn Gia Khánh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.88	66	Khá	5	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3430	2020600938	Vũ Quang Tiến	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	75	Khá	7	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3431	2020606376	Trần Anh Tú	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.87	73	Khá	4	2	27	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3434	2020602345	Hoàng Tuấn Kiệt	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	69	Khá	5	1	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3436	2020602615	Nguyễn Đức Trung Hiếu	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	68	Khá	6	1	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3437	2020602384	Đào Quang Trưởng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	67	Khá	6	1	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3438	2020607881	Nguyễn Văn Long	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	67	Khá	3	0	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3439	2020606394	Bùi Đình Thái	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	67	Khá	4	2	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3440	2020608235	Cao Văn Tấn	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	66	Khá	4	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3441	2020606052	Lê Thanh Tùng	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.87	64	bình	5	4	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3442	2020607890	Phan Công Hiếu	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thống dữ liệu	#N/A				1.87	62	bình	4	0	38	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3458	2020601541	Trần Việt Hưng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.86	68	Khá	8	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3460	2020602578	Nguyễn Đức Thái	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.86	66	Khá	4	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3471	2020605476	Nguyễn Duy Khanh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.85	70	Khá	4	3	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3474	2020605603	Cù Văn Dương	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.85	69	Khá	8	0	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3476	2020603968	Nguyễn Đắc Bình	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.85	66	Khá	6	1	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3478	2020605416	Lê Việt Anh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.85	62	bình	4	1	23	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3482	2020602056	Phạm Thanh Nam	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.84	73	Khá	2	1	19	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3483	2020600809	Nguyễn Tuấn Kiệt	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.84	72	Khá	5	2	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3485	2020600986	Trần Minh Hoàn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.84	70	Khá	5	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3489	2020608242	Ngô Đức Thoại	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.84	66	Khá	5	0	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3492	2020606393	Nguyễn Đăng Quang	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.84	64	bình	5	2	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3495	2020604102	Lê Anh Vũ	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.84	62	bình	6	0	40	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3500	2020604328	Nguyễn Anh Tuấn	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	72	Khá	5	1	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3501	2020607515	Hoàng Đức Đạt	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.83	72	Khá	7	0	45	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3503	2020602837	Nguyễn Khả Thực	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	71	Khá	7	2	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3507	2020607956	Hoàng Duy Chiến	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	68	Khá	7	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3508	2020606137	Hoàng Đình Hiển	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	68	Khá	8	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3511	2020601184	Đặng Văn Tùng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	66	Khá	8	1	50	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3512	2020603298	Phạm Đình Diễn	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	66	Khá	7	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3513	2020607363	Nguyễn Tiến Dũng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.83	65	Khá	4	0	21	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3518	2020606000	Phạm Văn Quyết	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.82	75	Khá	3	1	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3530	2020600950	Đỗ Nhật Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.82	67	Khá	7	1	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3532	2020607344	Phạm Bá Linh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.82	66	Khá	4	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3533	2020600078	Đặng Quốc Thịnh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.82	66	Khá	6	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
3538	2020603364	Nguyễn Văn Lĩnh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.82	62	bình	6	1	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3542	2020603789	Đinh Trường Giang	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.81	70	Khá	6	0	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3543	2020605783	Vũ Vinh Ánh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.81	69	Khá	5	3	27	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3544	2020602904	Trần Quốc Hiệp	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.81	67	Khá	7	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3545	2020604937	Nguyễn Việt Hoàng	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.81	67	Khá	4	0	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3546	2020605992	Đinh Quang Trung	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.81	67	Khá	8	2	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3547	2020606972	Nguyễn Thanh Tùng	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.81	67	Khá	7	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3550	2020607272	Nguyễn Đắc Thành	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.81	62	bình	4	1	27	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3552	2020604908	Phạm Văn Hải	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	80	Tốt	7	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
3553	2020600894	Nguyễn Xuân Thuận	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	71	Khá	4	1	22	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3554	2020601422	Trần Phú Hưng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.80	70	Khá	4	2	28	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3557	2020601839	Nguyễn Văn Đức	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	69	Khá	9	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3558	2020601513	Nguyễn Thanh Tuyền	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	68	Khá	5	2	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3559	2020602857	Lê Dương Lập	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	68	Khá	7	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3560	2020602148	Nguyễn Ngọc Trung	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.80	66	Khá	5	1	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3563	2020607137	Hoàng Minh Quang	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.80	62	bình	3	1	28	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3565	2020604612	Trần Anh Tú	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.79	70	Khá	8	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3573	2020608067	Nguyễn Đình Phong	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.79	65	Khá	6	0	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3579	2020604778	Mai Văn Hiệp	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.78	71	Khá	8	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3584	2020606837	Nguyễn Đăng Nhâm	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.78	67	Khá	4	0	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3595	2020600175	Nguyễn Hồng Quân	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.77	68	Khá	8	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3598	2020606369	Nghiêm Đình Anh Quân	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.77	67	Khá	6	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3599	2020603668	Trịnh Ngọc Hải	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.77	66	Khá	4	2	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3601	2020604757	Nguyễn Đặng Chiến	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.76	79	Khá	6	1	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3604	2020602080	Phạm Hữu Thắng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.76	74	Khá	5	2	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3615	2020603259	Lê Phương Đông	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.76	67	Khá	6	2	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3617	2020605745	Đỗ Mạnh Thế	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.76	66	Khá	3	0	19	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3620	2020606036	Phạm Đăng Đức	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.76	60	bình	6	2	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3626	2020603979	Nguyễn Khắc Cường	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.75	67	Khá	8	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3627	2020604766	Trịnh Trọng Thái	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.75	67	Khá	5	1	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3629	2020600922	Trần Đức Hải	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.75	66	Khá	6	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3632	2020600138	Nguyễn Đình Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.75	65	Khá	5	2	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3641	2020602631	Lê Đức Anh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.74	70	Khá	6	2	37	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3645	2020603012	Vũ Đức Hoan	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.74	67	Khá	6	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3646	2020605445	Lưu Văn Lâm	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.74	66	Khá	7	0	44	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3654	2020605814	Nguyễn Xuân Thệ	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	70	Khá	3	1	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3656	2020601805	Lê Ngọc Chiến	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	68	Khá	7	0	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3657	2020605930	Nguyễn Văn Huy	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	67	Khá	6	1	32	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3661	2020605369	Tạ Văn Quang	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	65	Khá	7	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3662	2020606150	Trần Sỹ Huấn	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	65	Khá	8	1	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3663	2020601668	Vũ Mạnh Thuần	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.73	64	bình	5	1	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3685	2020603291	Nguyễn Thanh Bình	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.71	65	Khá	9	1	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3686	2020607175	Vũ Tiến Chương	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.71	65	Khá	3	1	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3687	2020607725	Trần Khánh Dư	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.71	64	bình	8	1	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3701	2020606277	Hoàng Quốc Khánh	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.70	68	Khá	6	2	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3705	2020600114	Nguyễn Trung Nghĩa	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.70	65	Khá	7	1	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3711	2020601498	Trần Tuấn Anh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.69	69	Khá	7	3	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3715	2020606624	Nguyễn Công Nghiêm	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.69	67	Khá	5	1	26	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3717	2020605142	Phan Đức Hiếu	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.69	64	bình	6	1	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3723	2020602664	Đỗ Minh Đăng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.68	66	Khá	3	1	17	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3726	2020603236	Trần Công Vĩ	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.68	62	bình	3	1	20	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3741	2020607173	Lê Doãn Hải	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.66	68	Khá	5	1	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3747	2020600234	Nguyễn Hoàng Quân	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.66	66	Khá	7	2	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3749	2020607762	Đặng Công Bách	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.66	64	bình	5	1	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3757	2020603596	Nguyễn Văn Tuyền	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.65	68	Khá	7	2	41	40	-	-	-	-	-	-	-	-		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3761	2020600407	Vũ Sinh Hiêng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.65	64	bình	7	2	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3772	2020600423	Nguyễn Đình Hoàn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.64	65	Khá	6	1	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3783	2020600557	Lê Thanh Tùng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.63	65	Khá	4	1	15	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3784	2020606439	Lại Đức Tâm	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.63	65	Khá	6	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3785	2020602250	Nguyễn Xuân Trình	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.63	63	bình	7	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3786	2020608298	Nguyễn Văn Tuấn	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.63	62	bình	4	3	38	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3787	2020607155	Vi Thành Đạt	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.63	60	bình	7	0	34	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3792	2020603576	Cao Xuân Chiến	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.62	62	bình	5	2	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3798	2020602112	Trần Tuấn Phong	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.61	66	Khá	5	1	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3801	2020606978	Nguyễn Đức Thịnh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.61	62	bình	8	2	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3805	2020604082	Lại Văn Liêm	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.60	68	Khá	8	0	40	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3816	2020604727	Phạm Công Tiến	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.59	67	Khá	4	2	28	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
3822	2020602352	Trần Văn Lương	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.59	62	bình	7	1	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3827	2020603846	Lê Vũ Minh Giang	2020DHTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.58	70	Khá	5	3	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3831	2020605655	Nguyễn Đức Tài	2020DHTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.58	64	bình	6	2	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3839	2020601714	Đinh Khắc Tiệp	2020DHTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.57	64	bình	8	2	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3840	2020604438	Trần Duy Long	2020DHTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.57	63	bình	4	1	20	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3844	2020606181	Bùi Sỹ Hải	2020DHTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.56	66	Khá	10	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3853	2020605522	Hoàng Đức Lộc	2020DHTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.55	66	Khá	8	2	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3854	2020607829	Lê Văn Nguyên	2020DHTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.55	66	Khá	7	2	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3868	2020602393	Nguyễn Đức Nam	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.54	62	bình	3	2	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3871	2020604594	Trần Văn Hiệu	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.53	65	Khá	4	1	18	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3872	2020604292	Nguyễn Như Hoàn	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.53	65	Khá	8	1	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3876	2020607320	Hồ Quang Trung	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.52	67	Khá	5	1	23	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3881	2020604794	Nguyễn Hoàng Hiệp	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.51	68	Khá	7	2	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3882	2020604423	Nguyễn Vũ Dũng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.51	67	Khá	5	2	35	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3889	2020601989	Nguyễn Hồng Vinh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.50	66	Khá	4	1	19	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3896	2020603991	Nguyễn Duy Thiện	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.50	64	bình	10	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3898	2020601155	Dương Trung Hiếu	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.50	61	bình	6	2	33	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3904	2020606293	Mai Hiến Trí Sỹ	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				1.48	62	bình	3	1	20	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3915	2020606845	Nguyễn Huy Vũ	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.46	52	bình	4	0	14	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3929	2020605537	Trần Mạnh Dũng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.43	64	bình	7	3	28	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3938	2020605434	Phạm Văn Huy	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.41	62	bình	8	4	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3941	2020603947	Lê Quốc Khánh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				1.40	60	bình	6	2	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3943	2020601383	Phạm Văn Nhân	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.39	65	Khá	8	1	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3951	2020605741	Thái Văn Thành	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.36	62	bình	9	2	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3958	2020602066	Hà Văn Đạo	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.33	65	Khá	9	3	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3964	2020604785	Nguyễn Quang Huy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.31	75	Khá	7	2	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3969	2020604710	Nguyễn Cao Thành	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.31	62	bình	6	2	21	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3978	2020605866	Hoàng Văn Trường	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.29	63	bình	11	2	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3982	2020604010	Lý Đình Thắng	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.27	62	bình	9	2	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3984	2020606622	Đặng Văn Quân	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.26	67	Khá	9	2	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3990	2020605778	Nguyễn Xuân Chiến Công	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.24	62	bình	10	4	43	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3992	2020601986	Cao Tiến Mạnh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.23	63	bình	7	3	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
3999	2020605627	Lại Trường Ích	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.21	62	bình	8	2	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4000	2020603699	Nguyễn Quang Dũng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				1.21	62	bình	7	4	29	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4004	2020604585	Đào Văn Nhân	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.19	69	Khá	6	4	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4010	2020607894	Cao Ngọc Hợp	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.17	62	bình	7	3	23	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4015	2020603299	Phạm Tuấn Đại	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.16	62	bình	7	3	29	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4018	2020605164	Nguyễn Tiến Dũng	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.14	63	bình	11	6	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4028	2020608304	Lê Duy Toàn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.12	62	bình	9	2	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4031	2020606409	Phạm Tuấn Hưng	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.10	62	bình	6	4	26	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4033	2020605027	Lê Tiến Thành	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.09	60	bình	7	3	22	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4044	2020604421	Nguyễn Viết Thường	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.04	65	Khá	8	4	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4046	2020602816	Phạm Xuân Trường	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1	62	bình	6	2	20	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4047	2020604927	Nguyễn Ngọc Tú	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1	60	bình	11	4	30	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4050	2020604234	Lê Hữu Hoàng	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.96	64	bình	3	3	12	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4053	2020602428	Vũ Tuấn Anh	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.94	60	bình	6	4	25	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4062	2020606296	Nguyễn Mạnh Cường	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.86	62	bình	3	3	14	40	-	-	-	-	-	-	-	-		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4065	2020607921	Đặng Văn Hoàn	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.83	62	bình	8	4	23	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4069	2020608174	Phạm Văn Quang	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.75	62	bình	6	4	20	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4082	2020606343	Phan Văn Phiếu	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				0	65	Khá	3	3	7	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
4085	2020604192	Nguyễn Thiện Thật	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				0	30	Kém	4	4	12	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
7090	2021603056	Lê Thị Minh Hạnh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.34	94	sắc	1	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7104	2021602991	Trần Tuấn Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.32	95	sắc	1	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7120	2021603012	Trần Hồng Quân	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.30	93	sắc	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7136	2021604813	Nguyễn Đình Hoàn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.28	95	sắc	1	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7164	2021601524	Đỗ Trung Sơn	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.24	90	sắc	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7169	2021602299	Nguyễn Doãn Bình	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.24	88	Tốt	0	0	45	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7175	2021600806	Phùng Đức Anh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.24	84	Tốt	1	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7182	2021607167	Phạm Văn Thao	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.23	88	Tốt	1	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7214	2021600703	Lại Thị Hương Lan	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.19	89	Tốt	2	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7220	2021601778	Trịnh Hoàng Long	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.19	88	Tốt	2	0	45	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7231	2021602144	Hoàng Cao Khải	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.18	90	sắc	1	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7245	2021605330	Phạm Đức Hoàng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.17	89	Tốt	2	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7250	2021602555	Đào Duy Vũ	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.17	86	Tốt	0	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7265	2021605887	Trần Thế Hùng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.15	90	sắc	1	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7266	2021607757	Phạm Thùy Duyên	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.15	90	sắc	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7277	2021606765	Nguyễn Văn Quang	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.14	89	Tốt	0	0	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
7283	2021600960	Vũ Tiến Thành	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.14	85	Tốt	1	0	47	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7288	2021602084	Lỗ Thành Long	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.13	90	sắc	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7290	2021600858	Doãn Mạnh Hiếu	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.13	89	Tốt	1	0	46	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7307	2021606056	Phan Trần Chung Lâm	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.12	90	sắc	1	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7337	2021603043	Hoàng Thị Oanh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.10	91	sắc	1	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7352	2021601800	Đỗ Xuân Tuấn Anh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.09	88	Tốt	2	0	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7364	2021602495	Đỗ Quý Trọng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.08	92	sắc	2	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7381	2021605961	Thân Ngọc An	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.07	88	Tốt	0	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7386	2021600131	Kim Dân Sang	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.07	86	Tốt	0	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7387	2021603893	Bùi Anh Tuấn	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.07	86	Tốt	0	0	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7411	2021601208	Phạm Thị Thuận	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.06	86	Tốt	0	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7416	2021602214	Phạm Trung Sơn	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.06	85	Tốt	1	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7433	2021606582	Nguyễn Hoàng Phát	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.05	85	Tốt	2	0	46	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7439	2021602441	Trần Đức Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.04	89	Tốt	0	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7440	2021602696	Phùng Văn Phú	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.04	88	Tốt	1	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7441	2021605682	Nguyễn Quang Khánh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.04	87	Tốt	0	0	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7444	2021603719	Ong Thế Thiện	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.04	84	Tốt	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7445	2021608553	Đoàn Thị Thanh Yến	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.04	84	Tốt	1	0	42	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7457	2021605030	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.03	89	Tốt	1	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7461	2021605346	Ong Thế Duy	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.03	83	Tốt	1	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7475	2021603106	Phạm Hoàng Tiến Đạt	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.02	84	Tốt	2	1	47	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7476	2021603229	Nguyễn Quang Dũng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.02	83	Tốt	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7489	2021602974	Nguyễn Xuân Hùng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.01	87	Tốt	2	1	50	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7491	2021607179	Nguyễn Hiền Dịu	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.01	86	Tốt	2	0	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7515	2021602807	Vũ Kim Hoàn	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3	85	Tốt	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7539	2021603387	Nguyễn Văn Duy	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.99	88	Tốt	1	0	48	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7544	2021608015	Nguyễn Văn Hiếu	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.99	86	Tốt	3	0	42	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7552	2021603361	Đỗ Đăng Tiến	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.99	81	Tốt	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7558	2021601304	Đỗ Khoa Dương	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.98	89	Tốt	1	0	49	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7572	2021606165	Phạm Văn Đức	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.97	86	Tốt	1	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7586	2021608195	Tô Thị Ánh Nguyệt	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.96	92	sắc	1	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7590	2021602831	Nguyễn Nhật Hoàng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.96	87	Tốt	2	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7591	2021603432	Nguyễn Hồng Phúc	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.96	87	Tốt	1	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7592	2021607822	Nguyễn Thị Yến Hiệp	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.96	86	Tốt	1	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7616	2021602037	Nguyễn Bảo	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.95	87	Tốt	1	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7618	2021603388	Nguyễn Việt Hoàng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.95	86	Tốt	2	0	41	38	-	-	-	-	-	-	-	-		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7619	2021602478	Hoàng Anh Tú	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.95	85	Tốt	1	0	42	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7629	2021603004	Phạm Văn Thuần	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.95	83	Tốt	0	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7643	2021607128	Tạ Thị Mai Anh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.94	89	Tốt	1	0	51	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7645	2021606291	Phan Mạnh Quyết	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.94	86	Tốt	0	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7646	2021607268	Nguyễn Văn Tuyến	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.94	86	Tốt	0	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7647	2021605349	Lê Duy Toàn	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.94	85	Tốt	2	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7652	2021601332	Hoàng Tân Lâm	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.94	83	Tốt	2	0	51	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7691	2021602940	Trần Ngọc Sơn	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.92	87	Tốt	0	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7692	2021606731	Nguyễn Quang Hùng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.92	87	Tốt	1	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7694	2021601360	Nguyễn Kim Cường	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.92	86	Tốt	0	0	44	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7697	2021605244	Nguyễn Ngọc Trang	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.92	84	Tốt	2	0	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7717	2021606985	Đào Việt Hoàng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.91	88	Tốt	1	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7720	2021601001	Lê Thị Quỳnh Trang	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.91	87	Tốt	2	0	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7723	2021603073	Vũ Xuân Thức	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.91	86	Tốt	1	1	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7729	2021603437	Thắng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	83	Tốt	2	0	46	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7730	2021600472	Phạm Thanh Tùng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	83	Tốt	1	0	29	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7732	2021606618	Phan Văn Đạt	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	82	Tốt	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7746	2021606466	Nguyễn Tiến Quân	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.90	89	Tốt	1	1	52	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7758	2021601290	Trần Danh Biên	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.90	83	Tốt	0	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7769	2021608236	Dương Thành Nam	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.89	88	Tốt	3	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7780	2021603584	Nguyễn Văn Khánh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.89	80	Tốt	3	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7793	2021604332	Trần Thị Khánh Hà	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.88	87	Tốt	1	0	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7807	2021604337	Lê Thị Minh Nguyệt	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.88	82	Tốt	2	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7828	2021607603	Bùi Lâm Đan	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.87	88	Tốt	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7846	2021605076	Thân Thị Minh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.86	86	Tốt	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7848	2021606689	Phạm Quốc Việt	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.86	85	Tốt	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7850	2021603930	Nguyễn Thái Dương	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.86	83	Tốt	0	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
7874	2021601848	Nguyễn Thế Anh	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.85	85	Tốt	3	0	47	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7876	2021602039	Nguyễn Mạnh Kiên	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.85	84	Tốt	1	0	55	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7891	2021605937	Hoàng Thế Vinh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.85	80	Tốt	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7919	2021603777	Nguyễn Thị Thu Huyền	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.83	88	Tốt	1	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
7930	2021605756	Vũ Duy Nam	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.83	83	Tốt	2	0	32	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7936	2021601761	Phạm Vũ Trường	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.83	81	Tốt	1	0	44	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7949	2021600765	Nguyễn Đức Anh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.82	86	Tốt	4	0	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7953	2021603940	Đàm Mạnh Dũng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.82	83	Tốt	1	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7957	2021606444	Nguyễn Sỹ Hoàng Minh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.82	81	Tốt	3	0	34	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7972	2021601473	Dương Quang Đăng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.81	87	Tốt	1	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7974	2021605698	Nguyễn Minh Quân	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.81	86	Tốt	1	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
7979	2021601430	Đồng Văn Mạnh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.81	83	Tốt	2	0	47	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8002	2021605971	Nguyễn Hữu Đạt	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.80	87	Tốt	0	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
8006	2021607615	Bùi Kim Hậu	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.80	85	Tốt	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
8015	2021604420	Trần Văn Thành	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.80	80	Tốt	3	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8037	2021603370	Nguyễn Tiến Đạt	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.79	79	Khá	3	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8052	2021602393	Cung Trọng Phúc	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.78	87	Tốt	1	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8056	2021600802	Trần Trung Hiếu	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.78	83	Tốt	1	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8060	2021605284	Nguyễn Tri Phương	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.78	81	Tốt	2	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8063	2021600871	Hoàng Công Toàn	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.78	78	Khá	1	0	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8074	2021602522	Nguyễn Văn Phú	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.77	85	Tốt	3	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8077	2021607445	Bùi Quang Dương	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.77	83	Tốt	1	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8083	2021600885	Khúc Văn Đức	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.77	78	Khá	3	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8084	2021605220	Nguyễn Như Đạt	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.77	78	Khá	5	0	48	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8103	2021605769	Phan Trung Phong	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.76	81	Tốt	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8104	2021608144	Nguyễn Xuân Cung	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.76	81	Tốt	2	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8119	2021602944	Lê Hoàng Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.75	87	Tốt	0	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
8123	2021600855	Hồ Minh Đăng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.75	83	Tốt	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8127	2021603597	Nguyễn Ngọc Hải	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.75	81	Tốt	3	0	48	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8135	2021602801	Nguyễn Xuân Dũng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.74	87	Tốt	2	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8140	2021601492	Nguyễn Đức Việt	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.74	85	Tốt	2	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8151	2021602805	Đỗ Tiến Dũng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.74	81	Tốt	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8152	2021604833	Nguyễn Quốc Cường	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.74	81	Tốt	1	0	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8154	2021601102	Nguyễn Ngọc Khánh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.74	79	Khá	2	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8179	2021604482	Nguyễn Văn Huy	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.73	81	Tốt	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8180	2021605051	Bùi Khánh Nam	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.73	81	Tốt	1	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8181	2021607097	Nguyễn Quang Đức	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.73	79	Khá	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8183	2021602244	Đoàn Minh Hiếu	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.73	78	Khá	2	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8195	2021604487	Lương Tiến Đạt	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.72	85	Tốt	1	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8209	2021608161	Nguyễn Trung Thành	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.72	81	Tốt	2	0	46	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8215	2021606018	Nguyễn Văn Thanh	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.72	79	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8216	2021607247	Võ Đình Duy Nam	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.72	79	Khá	2	0	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8235	2021606737	Hoàng Thành Long	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.71	81	Tốt	3	0	39	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8242	2021603472	Phạm Đình Quốc Việt	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.71	77	Khá	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8255	2021603198	Mai Kim Đình	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.70	85	Tốt	1	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8259	2021602539	Nguyễn Trung Thành	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.70	83	Tốt	3	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8263	2021602686	Đặng Quang Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.70	82	Tốt	3	1	46	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8265	2021600478	Tạ Ngọc Dũng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.70	81	Tốt	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8288	2021608255	Trần Tiến Mạnh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.69	80	Tốt	3	0	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8306	2021602501	Trịnh Tuấn Cường	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.68	88	Tốt	1	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8315	2021606286	Trần Ngọc Hiền	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.68	83	Tốt	2	0	44	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8323	2021601630	Đặng Hoàng Quý	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.68	80	Tốt	3	0	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8352	2021604524	Lê Văn Minh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.67	81	Tốt	1	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8364	2021606561	Đông	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.67	72	Khá	1	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8365	2021607971	Đỗ Hồng Trụ	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.67	72	Khá	4	1	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8374	2021602708	Phạm Quốc Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.66	86	Tốt	1	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8376	2021604315	Đào Thị Mai Anh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.66	85	Tốt	2	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8379	2021601468	Đỗ Tấn Duy	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.66	84	Tốt	2	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8384	2021602166	Phạm Ngọc Hưng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.66	80	Tốt	4	0	37	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8386	2021605224	Nguyễn Duy Hưng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.66	78	Khá	3	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8405	2021605976	Nguyễn Xuân Thắng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.65	82	Tốt	3	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8419	2021600696	Nguyễn Chí Minh Quân	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.65	72	Khá	3	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8426	2021601462	Đỗ Tiến Đạt	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.64	85	Tốt	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8431	2021607473	Đào Đức Long	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.64	83	Tốt	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8441	2021604917	Bùi Minh Thắng	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.64	80	Tốt	2	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8444	2021604662	Vương Đức Thịnh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.64	78	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8445	2021605273	Đặng Quang Thái	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.64	77	Khá	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8446	2021600204	Nguyễn Văn Khánh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.64	77	Khá	2	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8447	2021607119	Đỗ Danh Thắng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.64	77	Khá	1	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8463	2021601508	Trần Hải Đăng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.63	84	Tốt	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8472	2021605413	Nguyễn Minh Đức	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.63	81	Tốt	3	0	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
8473	2021608036	Bùi Tiến Phúc	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.63	81	Tốt	1	0	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8475	2021607365	Trần Văn Hùng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.63	80	Tốt	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8479	2021603420	Chu Thị Phương Thảo	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.63	77	Khá	1	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8482	2021604846	Lê Tuấn Anh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.63	76	Khá	1	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8498	2021603774	Lê Văn Vũ	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.62	81	Tốt	1	0	46	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8500	2021604868	Nguyễn Nam Anh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.62	80	Tốt	4	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8514	2021603006	Đỗ Phúc Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.61	85	Tốt	0	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
8515	2021605791	Phương Hữu Nhật Quang	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.61	85	Tốt	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8530	2021601717	Tống Bá Thịnh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.61	77	Khá	2	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8531	2021602470	Hoàng Quốc An	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.61	77	Khá	2	1	35	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8550	2021600423	Phạm Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.60	80	Tốt	2	0	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8554	2021600786	Lê Đức Anh Quân	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.60	77	Khá	1	0	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8567	2021606494	Nguyễn Khôi Nguyên	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.59	86	Tốt	2	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8569	2021601879	Phan Anh Hưng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.59	85	Tốt	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8573	2021605525	Trần Đăng Trung	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.59	84	Tốt	2	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8581	2021600922	Đôn Mạnh Phóng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.59	82	Tốt	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8589	2021601608	Trần Ngọc Việt	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.59	80	Tốt	2	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8591	2021602858	Lê Thành Đạt	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.59	77	Khá	2	0	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8614	2021605808	Đỗ Viết Kiên	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.58	84	Tốt	2	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8621	2021607185	Vũ Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.58	80	Tốt	3	1	32	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8624	2021603177	Chu Đình Nam	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.58	78	Khá	3	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8628	2021606021	Trần Tiến Anh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.58	75	Khá	3	0	42	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8643	2021607359	Mầu Danh Toàn	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.57	78	Khá	3	1	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8653	2021606213	Nguyễn Văn Hải	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.57	73	Khá	5	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8674	2021604330	Nguyễn Minh Phương	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.56	80	Tốt	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8683	2021608153	Đỗ Quốc Khởi	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.56	73	Khá	3	1	41	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8713	2021601991	Nguyễn Tiến Quang	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.55	76	Khá	3	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8720	2021600684	Nguyễn Tiến Đạt	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.54	86	Tốt	5	0	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8723	2021601612	Trần Đăng Quang	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.54	84	Tốt	4	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8744	2021601038	Bùi Minh Hiếu	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.54	77	Khá	3	2	34	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8781	2021605994	Lê Nhật Minh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.52	85	Tốt	3	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8803	2021602375	Trần Bá Hoàng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.51	85	Tốt	4	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8806	2021602712	Trần Tăng Huy	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.51	83	Tốt	0	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
8817	2021606665	Lê Thế Doanh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.51	80	Tốt	3	1	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8820	2021604677	Nguyễn Duy Hùng	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.51	77	Khá	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8834	2021601356	Đỗ Thành Hưng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.51	72	Khá	3	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8845	2021601698	Lê Khải Hoàn	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.50	85	Tốt	2	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8847	2021605136	Cao Nhật Minh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.50	84	Tốt	4	2	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8848	2021605272	Dương Nhật Việt	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.50	84	Tốt	2	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8854	2021607440	Phạm Đình Long	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.50	82	Tốt	5	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8896	2021604241	Lê Duy Quý	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.49	78	Khá	3	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8901	2021603007	Nguyễn Văn Hải	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.49	75	Khá	4	1	42	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8914	2021601406	Hồ Kim Ngân	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.48	84	Tốt	4	0	46	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8915	2021604638	Trần Trung Nghĩa	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.48	84	Tốt	2	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8930	2021603663	Đào Thị Huyền	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.48	70	Khá	4	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8937	2021602688	Trần Xuân Việt	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.47	82	Tốt	6	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
8952	2021605090	Phạm Lễ Hồng Cường	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.47	77	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8959	2021602997	Lê Đình Nghĩa	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.47	75	Khá	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8984	2021604197	Nguyễn Thu Phương	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.46	78	Khá	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
8985	2021602985	Nghiêm Thành Ninh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.46	77	Khá	4	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9016	2021600776	Nguyễn Hữu Thắng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.45	77	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9019	2021606399	Trần Văn Trọng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.45	76	Khá	4	0	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9026	2021607374	Nguyễn Nhất Tâm	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.45	72	Khá	3	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9033	2021600424	Nguyễn Thị Hoài	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	82	Tốt	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9042	2021602634	Nguyễn Đức Hiếu	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	78	Khá	6	0	48	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9043	2021603018	Đặng Trung Hiếu	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	77	Khá	3	1	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9044	2021606082	Nguyễn Tiến Dũng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	77	Khá	4	0	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9045	2021606423	Phạm Huy Hoàng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	77	Khá	3	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9046	2021607576	Ngô Quang Huy Hùng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	77	Khá	4	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9047	2021604640	Trần Trọng Hiếu	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.44	77	Khá	4	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9052	2021601537	Mai Quý Duy	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	75	Khá	4	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9053	2021601808	Nguyễn Tiến Vũ	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.44	75	Khá	2	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9057	2021608203	Chu Ngọc Vị	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.44	72	Khá	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9066	2021603023	Phạm Hồng Nhung	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.43	83	Tốt	2	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9070	2021603331	Nguyễn Ngọc Tuấn Minh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.43	80	Tốt	3	2	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9078	2021605619	Nguyễn Hữu Tú	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.43	75	Khá	3	1	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9079	2021601798	Nguyễn Long Đức	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.43	74	Khá	3	0	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
9096	202160430 4	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.42	80	Tốt	4	0	32	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9104	202160760 6	Vũ Tấn Lộc	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.42	76	Khá	2	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9108	202160326 3	Nguyễn Minh Chung	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.42	74	Khá	5	0	46	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9109	202160375 4	Hà Minh Phương	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.42	74	Khá	3	1	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9117	202160695 0	Phạm Tuấn Anh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.42	70	Khá	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9120	202160002 1	Trần Thị Thuý Huyền	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.41	83	Tốt	3	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9128	202160095 4	Nguyễn Thành Long	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.41	80	Tốt	3	0	40	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9130	202160429 2	Phương Thuỷ Trang	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.41	79	Khá	2	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9136	202160150 1	Trần Văn Hải	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.41	77	Khá	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9144	202160123 5	Phạm Hoàng Hải	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.41	73	Khá	3	1	39	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9149	202160567 6	Đào Xuân Dũng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.41	72	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9158	202160607 9	Thân Thanh Tùng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.40	82	Tốt	4	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9162	202160568 5	Đỗ Đăng Công	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.40	80	Tốt	5	0	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9163	202160300 9	Trần Đức Thịnh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.40	80	Tốt	6	0	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9169	202160086 3	Trần Duy Hiếu	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.40	77	Khá	4	2	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9189	202160259 9	Nguyễn Đức Hiếu	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	77	Khá	2	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9190	202160818 2	Nguyễn Quang Minh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.39	77	Khá	3	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9193	202160211 1	Nguyễn Văn Hoàn	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	76	Khá	4	1	46	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9194	202160198 8	Nguyễn Quang Đăng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	76	Khá	3	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9195	202160129 7	Nguyễn Đức Hải	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	76	Khá	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9196	202160804 9	Vũ Hoàng Phúc	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	76	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9200	202160384 6	Ngô Quang Tín	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.39	72	Khá	4	1	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9203	202160796 5	Lê Văn Khánh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	70	Khá	3	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9204	202160478 8	Đặng Bá Hồng Toàn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.39	69	Khá	3	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9214	202160254 1	Phùng Bá Đạt	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.38	80	Tốt	3	0	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9223	202160292 4	Đỗ Đức Phi	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.38	76	Khá	3	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9224	202160771 3	Nguyễn Văn Kỳ	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.38	76	Khá	5	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9236	202160440 1	Nguyễn Hữu Lộc	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	70	Khá	5	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9252	202160391 2	Phạm Văn Cường	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.37	74	Khá	4	1	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9271	202160165 6	Đường Văn Tình	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.36	76	Khá	3	1	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9279	202160691 0	Nguyễn Hữu Quyền	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.36	73	Khá	1	0	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9283	202160051 2	Nguyễn Văn Hiếu	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.36	69	Khá	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9291	202160260 7	Phạm Tuấn Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.35	82	Tốt	3	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9293	202160258 4	Hoàng Minh Dương	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.35	81	Tốt	2	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9302	202160115 2	Lưu Tuấn Phương	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.35	76	Khá	3	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9303	202160356 6	Nguyễn Đăng Trọng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.35	76	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9310	202160266 4	Thiệu Sĩ Hoàng Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.35	75	Khá	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9324	202160079 3	Vũ Trường Sơn	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.34	80	Tốt	4	1	32	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9332	202160632 4	Nguyễn Văn Huy	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.34	75	Khá	3	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9333	202160459 8	Bùi Đức Thông	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.34	74	Khá	1	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9334	202160507 1	Vũ Mạnh Tiến	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.34	74	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9361	202160321 7	Hà Trọng Huy	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.33	80	Tốt	4	1	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9362	202160285 4	Hoàng Thị Thùy Trang	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.33	80	Tốt	2	0	29	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9369	202160629 4	Lê Văn Thắng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	77	Khá	3	0	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9373	202160339 4	Phạm Ngọc Khánh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.33	76	Khá	2	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9378	202160472 7	Nguyễn Đắc Dân	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	74	Khá	3	0	44	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9386	202160803 8	Nguyễn Tiến Đức	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.33	70	Khá	2	2	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9397	202160300 3	Tô Trung Thái	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.32	77	Khá	3	1	41	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9399	202160543 9	Trần Thanh Sơn	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.32	76	Khá	4	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9408	202160193 4	Hà Quang Vinh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.32	73	Khá	3	1	38	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9412	202160766 0	Nguyễn Anh Dũng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.32	70	Khá	3	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9421	202160121 8	Nguyễn Ngọc Quý	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.31	83	Tốt	5	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9431	202160719 4	Bùi Việt Phong	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.31	80	Tốt	2	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9433	202160133 0	Nguyễn Tiến Hưng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.31	78	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9436	202160097 2	Đặng Tuấn Thành	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.31	77	Khá	3	0	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9446	202160707 7	Trần Văn Hiệp	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.31	73	Khá	4	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9451	202160127 6	Nguyễn Tiến Hiệp	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.31	70	Khá	3	1	36	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9467	202160355 1	Mai Thành Quang	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.30	76	Khá	3	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9476	202160040 1	Nguyễn Duy Lập	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.30	73	Khá	3	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9492	202160770 6	Trương Văn Trung	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.29	75	Khá	2	0	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9495	202160050 8	Lương Huỳnh Đức	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.29	74	Khá	4	1	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9497	202160405 8	Trần Hải Đăng	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.29	73	Khá	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9531	202160519 2	Nguyễn Mạnh Cường	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.27	79	Khá	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9532	202160228 9	Phạm Việt Ánh	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.27	78	Khá	7	0	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9543	202160067 3	Lương Thế Đạt	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.27	73	Khá	6	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9548	202160304 8	Đỗ Đức Anh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.27	70	Khá	3	0	32	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9549	202160712 3	Nguyễn Việt Hoàn	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.27	68	Khá	5	2	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
9562	2021605296	Phạm Hoàng Nam	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.26	80	Tốt	4	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
9570	2021607098	Nguyễn Văn Huy	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.26	75	Khá	2	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9576	2021608482	Nguyễn Thị Thu Hoài	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.26	74	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9577	2021600507	Nguyễn Đình Quý Chiến	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.26	74	Khá	3	1	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9579	2021607739	Nguyễn Thành Đạt	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.26	73	Khá	3	1	46	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9584	2021601262	Triệu Hải Nam	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.26	71	Khá	3	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9593	2021601511	Trừ Ngọc An	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.25	75	Khá	4	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9596	2021602678	Nguyễn Duy Hưng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.25	74	Khá	4	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9597	2021604016	Đoàn Đức Anh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.25	74	Khá	4	0	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9599	2021604187	Trần Duy Hưng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.25	73	Khá	5	2	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9623	2021605180	Nguyễn Văn Linh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	76	Khá	6	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9625	2021606923	Phạm Văn Duy	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	75	Khá	5	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9630	2021602914	Phan Trí Nhân	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	74	Khá	3	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9631	2021603345	Bùi Quang Nhật	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	74	Khá	5	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9634	2021604877	Nguyễn Thế Anh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	73	Khá	3	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9643	2021607306	Nguyễn Quang Thiện	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.24	71	Khá	4	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9644	2021601547	Tạ Xuân Giang	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.24	70	Khá	5	1	39	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9653	2021605541	Tạ Văn Dư	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.23	77	Khá	3	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9654	2021600897	Giáp Tuấn Anh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.23	77	Khá	3	1	44	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9661	2021601282	Khương Văn Nam	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.23	74	Khá	3	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9686	2021601821	Nguyễn Ngọc Ánh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.22	73	Khá	3	1	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9689	2021602988	Trần Khánh Huyền	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.22	71	Khá	5	1	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9704	2021602590	Hoàng Thị Quỳnh Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.21	76	Khá	4	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9737	2021608601	Nguyễn Đức Thiện	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.20	76	Khá	3	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9738	2021600632	Trương Tuấn Anh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.20	76	Khá	3	0	28	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9739	2021602952	Nguyễn Đức Dũng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.20	75	Khá	3	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9744	2021608593	Lê Viết Hùng Anh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.20	72	Khá	5	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9746	2021604589	Lê Ngọc Hòa	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.20	70	Khá	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9747	2021606147	Nguyễn Văn Hiệp	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.20	70	Khá	5	0	41	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9762	2021604048	Vũ Tiến Anh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.19	75	Khá	5	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9767	2021604022	Nguyễn Việt Trung	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.19	73	Khá	3	0	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9768	2021605823	Lê Văn Anh Đức	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.19	72	Khá	4	0	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9773	2021602021	Trần Tiến Hoàng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.19	70	Khá	4	1	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9775	2021601809	Nguyễn Văn Thành	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.19	69	Khá	5	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9785	2021605608	Nguyễn Đức Ánh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.18	77	Khá	4	1	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9787	2021602505	Nguyễn Thanh Tùng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.18	76	Khá	2	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9792	2021607795	Chu Hải Long	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.18	75	Khá	5	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9799	2021605314	Nguyễn Văn Đạt	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.18	71	Khá	4	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9801	2021602474	Đỗ Trọng Hiệp	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.18	70	Khá	3	1	31	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9811	2021605778	Lê Ngọc Cường	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.17	77	Khá	5	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9813	2021605578	Đặng Thánh Nhã Chi	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.17	76	Khá	5	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9818	2021602475	Nguyễn Đăng Tuyến	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.17	75	Khá	3	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9821	2021600553	Trần Huy Hùng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.17	73	Khá	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9830	2021603695	Hoàng Thiện Cát	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.16	77	Khá	5	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9834	2021604754	Nguyễn Văn Phong	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.16	75	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9838	2021602306	Nguyễn Hoàng Hiệp	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.16	74	Khá	4	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9841	2021601578	Trần Tuấn Anh	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.16	73	Khá	4	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9844	2021601193	Trần Công Hân	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.16	69	Khá	4	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9867	2021602250	Mai Thanh Phú	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.15	70	Khá	4	1	30	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9888	2021602117	Trần Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.14	74	Khá	6	2	37	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9891	2021604847	Dương Ngọc Ánh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.14	73	Khá	4	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9895	2021602135	Phạm Văn Dương	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.14	71	Khá	7	2	44	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9898	2021602691	Hồ Văn Đức	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.14	70	Khá	5	1	32	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9900	2021605475	Nguyễn Văn Trung	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.14	67	Khá	6	1	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9922	2021600518	Nguyễn Thị Bích Hồng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.13	72	Khá	4	1	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9928	2021606941	Đoàn Xuân Trí	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.13	70	Khá	4	1	38	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9930	2021603384	Nguyễn Xuân Tiếu	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.13	67	Khá	3	2	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9931	2021601466	Trần Đăng Phương Viên	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.13	66	Khá	5	1	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9937	2021604235	Đinh Việt Đức	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.12	77	Khá	4	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9954	2021604301	Đỗ Trọng Đức	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.12	69	Khá	5	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9955	2021604014	Nguyễn Văn Đức	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.12	67	Khá	2	1	29	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9970	2021601529	Vũ Trung Kiên	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.11	73	Khá	6	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9975	2021600767	Trương Quang Khánh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.11	71	Khá	4	3	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9976	2021603651	Trần Việt Anh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.11	71	Khá	3	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9981	2021601868	Dương Quang Vinh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.11	67	Khá	5	1	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9996	2021603436	Nguyễn Hoàng Dũng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.10	72	Khá	4	1	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
9997	2021607190	Nguyễn Đức Thắng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.10	71	Khá	4	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
10004	2021602185	Phạm Ngọc Hiếu	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.10	68	Khá	5	1	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10005	2021604266	Đỗ Trung Hiếu	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.10	67	Khá	6	1	35	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10006	2021600847	Trần Nhật Minh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.10	67	Khá	3	2	29	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10015	2021602413	Lê Trọng Anh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.09	75	Khá	1	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10016	2021607545	Nguyễn Quang Minh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.09	75	Khá	2	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10018	2021605278	Nguyễn Hòa Phát	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.09	74	Khá	6	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10019	2021606441	Trần Văn Viên	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.09	74	Khá	6	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10034	2021606266	Hoàng Chí Bằng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.08	83	Tốt	3	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
10040	2021605267	Hoàng Lê Đức	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.08	76	Khá	5	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10052	2021602468	Vũ Tiến Đạt	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.08	71	Khá	4	0	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10068	2021603969	Phạm Huy Thiện	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.07	74	Khá	5	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10070	2021605989	Hoàng Minh Nhân	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.07	73	Khá	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10081	2021607624	Trần Huy Hoàng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.07	67	Khá	4	1	36	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10084	2021606613	Thái Văn Lực	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.06	79	Khá	4	1	40	33	-	-	-	-	-	-	-	-		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10085	2021606947	Trần Minh Quân	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.06	76	Khá	4	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10096	2021601006	Vũ Trường Vỹ	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.06	71	Khá	4	2	25	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10103	2021602203	Lê Văn Hiếu	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.06	67	Khá	3	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10104	2021604230	Vũ Huy Dinh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.06	67	Khá	3	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10105	2021605144	Nguyễn Khánh Băng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.06	67	Khá	7	2	41	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10112	2021603703	Đàm Văn Tân	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.05	75	Khá	6	1	44	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10115	2021606422	Lại Văn Duy	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.05	74	Khá	6	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10124	2021602094	Lại Trung Tiến	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.05	67	Khá	5	1	31	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10144	2021606844	Đào Ngọc Bảo	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.04	67	Khá	6	2	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10157	2021604630	Lê Ngọc Vinh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.03	74	Khá	5	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10160	2021600363	Doãn Thanh Bình	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.03	73	Khá	4	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10161	2021603852	Ngô Thị Thư	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.03	73	Khá	5	3	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10166	2021602802	Vũ Đức Huy	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.03	72	Khá	4	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10173	2021606485	Thân Hữu Đức	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.03	68	Khá	4	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10189	2021603900	Nguyễn Văn Kiên	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.02	69	Khá	5	2	43	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10200	2021607323	Vũ Trung Kiên	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.01	72	Khá	5	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10203	2021603260	Phan Hữu Nguyên	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.01	70	Khá	5	1	37	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10204	2021601670	Nguyễn Tuấn Dũng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.01	68	Khá	8	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10205	2021600932	Nguyễn Hoàng Dũng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.01	67	Khá	8	1	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10206	2021605149	Phạm Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.01	67	Khá	6	1	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10216	2021602463	Đinh Văn Mạnh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	75	Khá	5	1	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10217	2021606659	Nguyễn Hải Đăng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	75	Khá	5	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10220	2021608366	Đặng Đức Huy	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	74	Khá	2	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10227	2021605557	Nguyễn Minh Thành	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	72	Khá	5	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10231	2021602545	Vũ Minh Đức	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	70	Khá	5	1	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10232	2021608490	Phạm Văn Hoàng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	70	Khá	6	1	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10235	2021605951	Nguyễn Văn Đạt	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	69	Khá	5	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10236	2021607756	Vũ Hoàng Minh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	69	Khá	3	0	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10240	2021607372	Nguyễn Quang Tiền	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	67	Khá	4	1	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10241	2021600108	Ngô Anh Tuấn	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2	67	Khá	6	1	42	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10242	2021606376	Nguyễn Trọng Hà	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	66	Khá	3	1	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10243	2021606292	Lê Minh Nghĩa	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2	64	bình	2	0	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10264	2021604933	Vũ Hoàng Phương	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.99	67	Khá	5	0	36	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10280	2021600840	Hoàng Anh Tú	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.98	71	Khá	4	2	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10301	2021603100	Bùi Văn Dương	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.97	71	Khá	4	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10304	2021605921	Nguyễn Đức Huy	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.97	68	Khá	5	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10306	2021600875	Nguyễn Dương Trung	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.97	67	Khá	3	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10307	2021606738	Vũ Quang Tiến Dũng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.97	67	Khá	5	0	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10308	2021601261	Bùi Công Hiếu	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.97	65	Khá	5	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10314	2021606851	Lê Hoàng Tuấn	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.96	73	Khá	7	1	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10317	2021604579	Vũ Hồng Hoàng	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.96	71	Khá	4	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10328	2021604260	Nguyễn Trung Hiếu	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.95	71	Khá	6	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10331	2021601161	Trần Minh Đức	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.95	69	Khá	5	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10332	2021606798	Hoàng Trung Dũng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.95	69	Khá	5	2	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10351	2021604632	Nguyễn Minh Đức	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.94	69	Khá	6	1	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10352	2021602282	Nguyễn Tiến Cường	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.94	68	Khá	5	2	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10353	2021603295	Đặng Văn Long	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.94	68	Khá	2	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10354	2021605230	Hồ Đăng Gia Bảo	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.94	67	Khá	5	2	26	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10358	2021604946	Vũ Quốc Huy	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.94	59	bình	3	0	16	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10361	2021603088	Đinh Đức Thắng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.93	78	Khá	6	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10363	2021602791	Đoàn Đình Giang	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.93	74	Khá	6	1	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10366	2021603377	Nguyễn Thế Dũng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.93	73	Khá	7	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10369	2021603515	Đỗ Văn Quang	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.93	72	Khá	4	1	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
10381	202160620 8	Phan Văn Khải	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.92	74	Khá	5	2	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10384	202160606 1	Vũ Văn Quyết	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.92	72	Khá	5	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10388	202160455 7	Nguyễn Bá Quang	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.92	69	Khá	4	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10394	202160852 9	Trịnh Tiến Việt	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.91	74	Khá	3	0	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10401	202160536 8	Bùi Công Chiến	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.91	72	Khá	5	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10412	202160641 8	Nguyễn Văn Hoàn	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.91	67	Khá	5	0	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10414	202160146 9	Hoàng Thị Viên	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.91	65	Khá	3	2	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10415	202160385 5	Vũ Hồng Sơn	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.91	64	bình	5	2	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10416	202160058 9	Nguyễn Khuê Đạt	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.91	62	bình	4	1	34	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10439	202160547 7	Nguyễn Mạnh Tấn	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.89	67	Khá	4	1	32	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10440	202160040 8	Kiều Đức Anh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.89	67	Khá	5	2	37	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10444	202160758 9	Cao Đình Quân	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.89	62	bình	6	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10453	202160466 5	Nguyễn Viết Cường	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.88	71	Khá	5	1	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10454	202160472 8	Bùi Xuân Sơn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.88	71	Khá	5	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10457	202160672 0	Nguyễn Gia Luật	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.88	70	Khá	6	0	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10461	202160359 8	Phạm Lê Minh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.88	69	Khá	5	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10462	202160378 9	Phạm Phú Nhật Nam	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.88	69	Khá	4	1	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10464	202160166 0	Vũ Đức Quyết	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.88	68	Khá	3	1	26	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10468	202160298 1	Nguyễn Văn Khải	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.88	67	Khá	5	2	38	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10479	202160350 4	Ngô Tuấn An	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.87	67	Khá	6	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10481	202160522 8	Đỗ Đức Hùng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.87	64	bình	7	2	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10506	202160447 5	Hoàng Tuấn Hiệp	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.85	71	Khá	6	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10509	202160782 6	Trần Gia Khánh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.85	69	Khá	6	2	31	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10513	202160014 3	Nguyễn Đạt Mạnh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.85	66	Khá	5	1	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10514	202160197 1	Nguyễn Anh Tiến	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.85	65	Khá	6	1	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10515	202160068 5	Nguyễn Văn Nhật	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.85	64	bình	6	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10519	202160746 1	Nguyễn Văn Hưng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.84	72	Khá	5	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10520	202160689 4	Hoàng Phú Long	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.84	72	Khá	3	3	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10532	202160349 3	Nguyễn Bá Hải Dương	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.84	67	Khá	7	1	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10534	202160687 0	Phan Quang Huy	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.84	65	Khá	6	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10535	202160511 2	Trương Nhật Bình	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.84	64	bình	5	1	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10551	202160194 8	Nguyễn Anh Tú	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.83	68	Khá	3	1	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10554	202160614 3	Hồ Đức Thắng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.83	65	Khá	7	2	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10556	202160795 4	Nguyễn Chiến Hoàng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.82	79	Khá	4	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10568	202160475 6	Nguyễn Việt Anh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.82	65	Khá	8	2	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10569	202160828 4	Mai Đức Chính	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.82	62	bình	3	2	19	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10571	202160802 0	Nguyễn Trung Tú	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.81	77	Khá	4	0	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10577	202160043 1	Lê Bá Thức	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.81	69	Khá	5	2	42	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10582	202160373 7	Ngô Việt Hoàng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.81	63	bình	2	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10585	202160242 5	Đoàn Văn Quý	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.80	75	Khá	5	2	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10590	202160763 2	Đào Tuấn Đạt	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.80	70	Khá	6	1	27	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10592	202160103 6	Nguyễn Minh Thế	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.80	64	bình	7	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10605	202160661 0	Mai Tiến Đạt	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.79	67	Khá	5	1	33	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10614	202160852 7	Trần Minh Đức	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.78	69	Khá	7	2	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10618	202160283 5	Bùi Minh Hoàng	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.78	67	Khá	7	1	30	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10629	202160343 5	Trần Doãn Kiên	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.77	70	Khá	5	2	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10630	202160811 7	Nguyễn Văn Huỳnh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.77	70	Khá	5	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10635	202160607 7	Phạm Quốc Trung	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.77	67	Khá	5	0	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10638	202160832 9	Nguyễn Hữu Chiến	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.77	62	bình	5	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10639	202160710 6	Nguyễn Xuân Bách	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.77	60	bình	6	2	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10642	202160056 5	Ngô Quang Long	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.76	77	Khá	4	2	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10649	202160510 7	Trần Văn Kiên	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.76	68	Khá	3	1	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10651	202160455 5	Nguyễn Quang Tuấn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.76	67	Khá	7	2	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10658	202160706 4	Phạm Việt Hùng	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.75	67	Khá	4	1	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10660	202160073 4	Nguyễn Tuấn Nghĩa	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.75	64	bình	5	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10662	202160069 2	Tạ Quyết Tiến	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.75	60	bình	6	1	34	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10663	202160811 1	Đặng Ngọc Tùng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.75	57	bình	3	3	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10676	202160126 6	Đỗ Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.74	67	Khá	7	2	40	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10683	202160314 5	Cao Nhật Quang	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.73	68	Khá	6	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10684	202160474 0	Đinh Hoàng Minh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.73	68	Khá	2	1	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10685	202160472 6	Nguyễn Tuấn Hưng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.73	67	Khá	5	3	39	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10686	202160403 4	Phạm Đức Mạnh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.73	66	Khá	7	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10687	202160427 6	Nguyễn Đức Minh	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.73	66	Khá	4	2	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10707	202160117 3	Hoàng Đình Trọng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.71	66	Khá	5	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10709	202160822 0	Vũ Kim Phượng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.70	75	Khá	5	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10716	202160143 8	Vũ Minh Hiếu	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.70	65	Khá	4	2	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10717	202160542 0	Trần Toàn	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.70	62	bình	7	2	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
10722	202160582 9	Hà Bích Ngọc	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.69	73	Khá	8	3	37	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10733	202160482 7	Nguyễn Tiến Lương	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.69	66	Khá	5	2	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10736	202160083 3	Phạm Hồng Phúc	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.69	64	bình	4	2	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10737	202160639 5	Phạm Minh Phúc	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.69	64	bình	6	1	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10739	202160831 1	Nguyễn Đình Thành	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.69	62	bình	5	2	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10745	202160564 0	Nguyễn Đức Cảnh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.68	73	Khá	5	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10751	202160770 2	Vũ Thị Như Quỳnh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.68	62	bình	4	3	33	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10766	202160850 7	Mạc Văn Thêm	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.67	61	bình	5	1	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10767	202160820 1	Đặng Nhật Hào	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.67	60	bình	4	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10769	202160185 2	Hồ Đăng Đức	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.66	73	Khá	8	1	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10772	2021600027	Khuê	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.66	67	Khá	5	3	29	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10775	202160681 9	Lưu Đăng Hải	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.66	62	bình	5	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10783	202160581 3	Đỗ Đức Hà	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.65	68	Khá	5	3	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10784	2021601509	Nguyễn Anh Tiến	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.65	67	Khá	6	2	31	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10795	202160479 7	Phan Duy Sơn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.64	70	Khá	5	0	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10797	202160435 5	Nguyễn Quang Huy	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.64	67	Khá	3	2	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10800	202160014 2	Phạm Nam Khánh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.64	61	bình	8	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10813	202160399 9	Trần Thanh Tùng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.62	66	Khá	8	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10815	2021607477	Nguyễn Văn Kiên	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.62	62	bình	6	3	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10816	202160829 6	Lê Quốc Hùng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.62	62	bình	4	3	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10822	202160563 1	Trần Lại Thái An	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.61	67	Khá	7	2	31	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10823	202160821 9	Phạm Quang Tuyến	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.61	66	Khá	6	1	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10826	202160745 9	Trần Quang Hà	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.61	62	bình	8	1	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10827	202160748 6	Lưu Tuấn Thành	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.61	57	bình	7	1	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10830	202160675 4	Phạm Văn Dũng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.60	67	Khá	8	4	35	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10831	202160849 5	Đinh Xuân Quý	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.60	63	bình	8	0	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10832	202160272 3	Đỗ Duy Hoàng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.60	62	bình	3	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10839	202160704 2	Ngô Tuấn Anh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.59	66	Khá	8	3	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10845	202160494 2	Đồng Viết Hiệp	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.59	59	bình	7	2	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10850	202160511 3	Nguyễn Hữu An	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.58	60	bình	4	1	18	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10851	202160675 1	Nguyễn Đình Đức	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.58	60	bình	5	1	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10867	202160570 4	Phạm Đình Đức	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.56	65	Khá	8	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10868	202160728 1	Nguyễn Khắc Phong	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.56	64	bình	8	1	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10870	202160372 0	Trần Xuân Lâm	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.56	62	bình	6	3	32	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10871	202160274 8	Đoàn Văn Duy	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.56	61	bình	3	2	16	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10872	202160511 8	Lê Anh Duy	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.56	60	bình	9	2	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10878	202160503 9	Trương Việt Cường	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	71	Khá	9	2	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10882	202160768 1	Phạm Quang Huy	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	67	Khá	7	2	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10883	2021600466	Hà Tiến Dũng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	65	Khá	6	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10884	202160367 1	Phạm Anh Tuấn	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	65	Khá	4	2	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10885	202160614 0	Vũ Hưng Minh	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	65	Khá	4	1	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10886	202160661 5	Tăng Thanh Danh	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.55	61	bình	7	2	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10887	2021601597	Nguyễn Hoàng Quân	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.55	60	bình	6	3	28	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10894	2021607999	Vũ Nhân Dũng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.54	62	bình	6	1	28	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10902	202160240 9	Trần Quý Dương	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.53	65	Khá	7	2	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10903	202160356 3	Tạ Xuân Hoàng	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.52	77	Khá	6	1	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10911	202160246 5	Vũ Xuân Minh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.52	68	Khá	6	3	30	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10918	202160709 3	Nguyễn Vũ Đông	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.52	62	bình	4	1	20	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10923	2021601017	Hoàng Ngọc Hiệp	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.51	67	Khá	9	2	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10939	202160461 2	Nguyễn Đình Trọng	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.50	66	Khá	5	0	17	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10941	202160746 3	Trương Quang Nam	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.50	65	Khá	5	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10942	202160581 6	Nguyễn Văn Anh	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.50	60	bình	6	2	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10943	202160556 6	Nguyễn Văn Phi	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.50	56	bình	6	3	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10946	2021600160	Trần Thanh Tuyền	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.48	75	Khá	5	1	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10951	2021600124	Nguyễn Thế Duy	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.48	65	Khá	6	3	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10952	202160856 4	Nguyễn Đắc Tiệp	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.48	62	bình	6	2	26	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10953	202160663 3	Ngọc	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.48	54	bình	6	1	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10957	202160648 2	Giáp Văn Quảng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.47	66	Khá	8	4	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10959	202160416 0	Lê Văn An	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.47	62	bình	6	2	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10960	202160266 3	Nguyễn Trung Hiếu	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.47	60	bình	8	3	37	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10965	202160800 3	Mai Văn Hoà	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.46	65	Khá	5	2	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10973	202160432 3	Đỗ Thanh Hải	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.45	65	Khá	6	2	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10974	2021601097	Nguyễn Cảnh Tuân	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.45	64	bình	7	4	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10975	202160319 2	Nguyễn Minh Đức	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.45	64	bình	7	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10980	202160217 1	Lê Đăng Nam	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.44	67	Khá	6	4	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10984	202160584 8	Nguyễn Nhất Phong	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.44	64	bình	8	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10985	202160594 6	Lê Đức Thắng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.44	64	bình	4	4	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
10987	2021607562	Nguyễn Thế Hải	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.44	55	bình	4	1	16	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10988	2021607938	Vũ Tuấn Anh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.44	55	bình	2	1	9	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10992	2021602813	Nguyễn Ngọc Khánh	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.43	65	Khá	5	2	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
10999	2021606708	Phạm Tùng Dương	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.42	62	bình	4	3	26	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11000	2021601497	Đỗ Phan Quốc Anh	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.42	61	bình	7	4	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11008	2021606627	Bùi Hữu Hải	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.41	61	bình	6	3	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11012	2021600958	Hoàng Hữu Tuấn	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.40	65	Khá	9	3	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11013	2021608277	Đặng Thế Anh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.40	65	Khá	6	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11014	2021607211	Khổng Gia Huy	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.40	60	bình	5	3	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11015	2021600809	Nguyễn Xuân An	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.39	74	Khá	7	3	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11021	2021606778	Đào Thị Bích Chi	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.39	62	bình	7	3	33	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11022	2021606640	Nguyễn Việt Dũng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.39	61	bình	9	0	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11023	2021605508	Nguyễn Thị Liu Ly	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.39	60	bình	9	1	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11027	2021608226	Ngô Hoàng Lâm	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.38	66	Khá	4	2	16	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11032	2021600481	Lê Vũ Khương Duy	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.38	60	bình	4	3	20	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11046	2021608139	Nguyễn Đình Hiếu	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.36	62	bình	7	1	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11047	2021603810	Lê Anh Tú	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.36	59	bình	5	0	18	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11048	2021600757	Nguyễn Đức Hùng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.35	68	Khá	4	3	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11050	2021604537	Nguyễn Minh Công	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.35	67	Khá	7	2	30	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11051	2021608290	Phạm Đức Thắng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.34	77	Khá	7	1	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11054	2021608292	Vũ Thanh Phong	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.34	70	Khá	3	2	19	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11057	2021603242	Trương Quang Huy	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.34	60	bình	5	4	32	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11058	2021601829	Nguyễn Quang Huy	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.34	56	bình	5	3	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11061	2021602645	Vũ Hoàng Thuận	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.33	67	Khá	5	1	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11064	2021605819	Phan Thanh Tùng	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.32	60	bình	7	3	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11069	2021600151	Cao Tuấn Minh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.31	60	bình	8	3	35	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11074	2021602510	Nguyễn Xuân Quý	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.30	60	bình	6	2	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11076	2021607092	Vũ Xuân Thịnh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.30	57	bình	6	2	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11085	2021600140	Trần Quang Huy	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.28	60	bình	6	3	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11086	2021608035	Phạm Trung Kiên	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.28	60	bình	6	2	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11092	2021604295	Đặng Minh Dương	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.27	62	bình	6	4	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11094	2021604943	Phạm Ngọc Quang	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.27	57	bình	5	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11101	2021600956	Nguyễn Như Hoàng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.26	61	bình	8	3	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11109	2021601134	Trịnh Việt Hoàng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.24	60	bình	7	3	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11110	2021600025	Trần Quang Khải	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.24	55	bình	5	5	27	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11116	2021602424	Vũ Trần Trí	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.23	65	Khá	6	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11128	2021608430	Nguyễn Quang Tùng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.21	62	bình	8	2	31	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11131	2021604550	Trần Văn Hiển	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.20	62	bình	8	3	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11132	2021607773	Lê Văn Tiến	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.20	62	bình	6	1	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11133	2021602038	Nguyễn Văn Dũng	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.20	62	bình	6	3	27	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11137	2021607775	Phạm Ngọc Thắng	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.19	61	bình	4	3	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11138	2021608269	Phạm Minh Quang	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.19	55	bình	7	3	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11143	2021600533	Nguyễn Tuấn Anh	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.17	65	Khá	7	3	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11144	2021604190	Mạc Thế Tài	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.17	59	bình	9	1	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11145	2021608558	Trần Viết Mạnh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.17	55	bình	6	2	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11148	2021607020	Nguyễn Đức Nghĩa	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.16	65	Khá	7	2	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11149	2021606394	Bùi Quang Hà	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.16	62	bình	6	4	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11150	2021607816	Dương Thanh Kiên	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.16	57	bình	6	3	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11152	2021601843	Nguyễn Vũ Tú Anh	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.15	57	bình	8	4	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11154	2021602581	Đoàn Đức Hoàng	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.14	65	Khá	8	3	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11156	2021607221	Phạm Quang Minh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.14	59	bình	7	5	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11162	2021601033	Tống Minh Thái	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.11	58	bình	6	3	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11164	2021604838	Vũ Trần Nguyên Sơn	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.10	63	bình	8	4	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11165	2021602558	Nguyễn Ngọc Lâm	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.10	60	bình	9	3	29	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11166	2021606841	Nguyễn Thành Nam	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.10	58	bình	7	3	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11168	2021608563	Hoàng Ngọc Cảnh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.09	62	bình	7	3	32	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11169	2021602903	Trương Tiến Thành	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.09	57	bình	5	4	22	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11172	2021608046	Nguyễn Đức Việt	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.08	55	bình	7	3	25	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11175	2021608103	Nguyễn Quý Thanh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.06	62	bình	5	2	18	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11181	2021608402	Nguyễn Văn Tuấn	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.05	57	bình	6	3	19	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11184	2021600853	Phạm Văn Tuấn	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.02	60	bình	8	4	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11196	2021606846	Nguyễn Văn Sơn	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.98	57	bình	9	3	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11198	2021607196	Bùi Phú Chất	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.97	57	bình	11	4	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11201	2021607777	Đỗ Trọng Đạt	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.94	57	bình	6	4	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11203	2021607745	Vũ Tiến Mạnh	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				0.93	55	bình	7	4	23	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11204	2021606132	Nguyễn Minh Đạt	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.92	70	Khá	7	3	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11206	2021602646	Trịnh Trung Hiếu	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.92	57	bình	7	3	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
11208	2021603099	Hoàng Anh Tuấn	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.90	57	bình	9	5	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11210	2021607478	Nguyễn Phương Nam	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.89	62	bình	8	4	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11211	2021608498	Phạm Thành Trung	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				0.89	57	bình	8	3	23	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11216	2021606887	Nguyễn Văn Anh	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.88	55	bình	8	4	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11218	2021608454	Trần Đức Quân	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.87	57	bình	8	2	23	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11225	2021607038	Nguyễn Văn An	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				0.83	60	bình	9	6	32	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11226	2021606043	Trần Việt Hoàng	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				0.83	57	bình	7	5	27	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11230	2021606815	Nguyễn Hoàng Nam	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.81	57	bình	3	3	16	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11231	2021604864	Lê Văn Định	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.80	57	bình	3	3	10	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11232	2021604804	Phạm Nguyễn Anh Tài	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				0.80	55	bình	6	4	22	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11237	2021601064	Đặng Đình Hùng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.77	60	bình	5	4	22	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11239	2021603831	Vũ Ngọc Minh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				0.75	62	bình	12	6	34	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11243	2021603643	Trần Tuấn Anh	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.74	59	bình	7	4	21	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11246	2021603824	Lê Tiến Phúc	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.73	59	bình	4	1	11	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11247	2021606248	Hồ Anh Tuấn	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.73	57	bình	7	5	24	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11248	2021601034	Nguyễn Huy Hoàng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.73	52	bình	9	7	28	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11250	2021608382	Nguyễn Anh Minh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.71	52	bình	6	3	19	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11252	2021604686	Trần Đình Đức	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.68	66	Khá	6	4	17	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11254	2021608112	Nguyễn Mạnh Duy	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.65	55	bình	7	5	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11257	2021607892	Vũ Ngọc Minh	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.62	58	bình	8	4	26	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11260	2021607909	Nguyễn Văn Hải	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.55	50	bình	11	6	30	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11261	2021606127	Võ Đắc Vân	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.50	50	bình	3	2	11	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11262	2021602936	Hoàng Tiến Quân	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.48	57	bình	8	7	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11265	2021603944	Nguyễn Tiến Đạt	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.35	52	bình	7	6	20	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
11266	2021608052	Triệu Quang Luân	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				0.27	50	bình	4	3	11	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14100	2022603104	Nguyễn Trọng Quý	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.47	85	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14106	2022602873	Nguyễn Thị Hà	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.44	84	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14128	2022604173	Nguyễn Văn Đạt	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.37	84	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14134	2022600669	Vũ Thị Ngọc Mai	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.35	82	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14139	2022602764	Phạm Thị Phương Thảo	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.33	85	Tốt	2	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14146	2022606413	Nguyễn Văn Việt	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.32	85	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14152	2022600641	Hoàng Ngọc Đạt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.30	83	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14165	2022607900	Nguyễn Văn Vinh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.27	77	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14176	2022605924	Mai Thanh Bình	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.24	76	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14185	2022603902	Vũ Minh Quân	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.23	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14197	2022600821	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.21	88	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14201	2022601840	Phan Trung Nghĩa	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.21	80	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14217	2022605031	Nguyễn Minh Đức	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.19	80	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14218	2022605602	Dương Thanh Tùng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.19	79	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14228	2022605989	Vũ Đắc Hiếu	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.18	77	Khá	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14235	2022607328	Hoàng Anh Phú	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.17	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14243	2022602978	Trần Văn Hiệp	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.16	85	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14245	2022606812	Trần Đức Tuấn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.16	83	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14250	2022603685	Chu Thế Khải	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.15	86	Tốt	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14255	2022603034	Nguyễn Xuân Minh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.15	75	Khá	2	0	37	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14267	2022604829	Đỗ Phúc Huy Hiếu	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.14	81	Tốt	0	0	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14279	2022604710	Nguyễn Bích Loan	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.13	76	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14283	2022603586	Nguyễn Đức Dũng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.12	78	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14295	2022602527	Lê Huy Ánh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.11	80	Tốt	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14297	2022605755	Nguyễn Đăng Chung	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.11	77	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14298	2022605623	Hoàng Tuấn Anh	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.11	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14306	2022605367	Nguyễn Thị Thu Trang	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.10	77	Khá	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14320	2022605273	Lê Việt Hoàng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.09	80	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14324	2022601470	Nguyễn Tùng Linh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.09	75	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14334	2022604962	Nguyễn Thành Trung	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.08	79	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14358	2022604286	Lão Thị Huyền	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.07	76	Khá	2	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14364	2022601640	Phạm Huy Hoàng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.06	74	Khá	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14378	2022603538	Giang Việt Thành	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.05	79	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14379	2022600803	Đào Thị Kim Anh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.05	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14380	2022603918	Nguyễn Hải Nam	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.05	78	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14381	2022606278	Lương Thu Huyền	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.05	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14389	2022607074	Nguyễn Khắc Duy Tú	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.04	81	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14395	2022603827	Đoàn Thị Phương Nhã	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.04	75	Khá	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14407	2022606819	Hoàng Thị Bích	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.03	80	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14410	2022603045	Trần Quang Huy	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.03	77	Khá	2	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14411	2022601172	Đồng Văn Đức	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.03	77	Khá	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14412	2022601820	Đậu Nhật Huy	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.03	75	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
14417	2022602272	Nguyễn Viết Huy	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.02	86	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14429	2022605433	Nguyễn Hữu An	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.02	76	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14430	2022607156	Nguyễn Quang Khải	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.02	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14431	2022603146	Đỗ Thị Mến	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.02	74	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14440	2022604889	Vũ Quốc Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.01	75	Khá	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14463	2022601750	Trịnh Trung Đức	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3	77	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14464	2022607208	Dương Văn Mạnh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3	77	Khá	2	0	33	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14465	2022606344	Phạm Văn Toán	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3	77	Khá	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14468	2022602923	Nguyễn Thị Thu Hảo	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3	75	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14469	2022606106	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.99	91	sắc	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14473	2022606126	Nguyễn Văn Sang	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.99	86	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14493	2022602825	Nguyễn Thị Bốn	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.98	78	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14494	2022604874	Phạm Hồng Minh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.98	78	Khá	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14499	2022606306	Trương Đăng Lập	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.98	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14514	2022607348	Dương Xuân Quyền	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.97	77	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14516	2022604951	Nguyễn Võ Văn Quang	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.97	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14524	2022605533	Nguyễn Hoàng An	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.96	83	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14555	2022604034	Trần Đức Thịnh	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.94	91	sắc	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14564	2022602507	Trần Viết Tuấn	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.94	73	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14565	2022605363	Nguyễn Văn Bảo	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.94	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14566	2022603461	Nguyễn Nhật Minh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.94	73	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14589	2022602072	Nguyễn Thị Huyền	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.93	77	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14591	2022606282	Trương Minh Hiếu	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.93	74	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14594	2022601577	Nguyễn Hữu Khánh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.92	86	Tốt	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14596	2022607320	Nguyễn Thị Giang	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.92	84	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14606	2022605563	Phạm Văn Thiên Vũ	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.92	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14607	2022602445	Nguyễn Văn Thái	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.92	75	Khá	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14608	2022601795	Phạm Tuấn Tiệp	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.92	74	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14610	2022604327	Nguyễn Mạnh Quỳnh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	90	sắc	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14614	2022603835	Hà Huy Nhật	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	84	Tốt	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14622	2022603605	Nguyễn An Bắc	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	78	Khá	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14626	2022601237	Đường Gia Triền	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	76	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14627	2022604744	Lê Bá Tiệp	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	76	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14628	2022603463	Bùi Mạnh Dũng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.91	76	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14631	2022607425	Nguyễn Đức Ngọc Quân	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	75	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14632	2022607056	Đỗ Anh Việt	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	75	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14635	2022601029	Nguyễn Hải Nam	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.91	72	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14642	2022603755	Phạm Gia Bảo	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.90	75	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14655	2022607120	Nguyễn Tuấn Tú	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.89	82	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14658	2022600952	Trần Minh Tuấn	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.89	81	Tốt	3	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14660	2022605780	Nguyễn Vương Quốc	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.89	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14661	2022603002	Nguyễn Công Trung	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.89	75	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14683	2022602688	Nguyễn Hoàng Dương	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.88	76	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14686	2022602260	Phan Đình Tuấn	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.88	75	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14687	2022606036	Trương Minh Hiếu	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.88	75	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14688	2022607163	Nguyễn Tiến Phong	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.88	75	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14689	2022600388	Vũ Kim Quang Tường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.88	75	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14690	2022607127	Giáp Văn Duy	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.88	74	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14691	2022600605	Nguyễn Tiến Thực	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.88	73	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14702	2022604656	Nguyễn Ngọc Hoàng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.87	81	Tốt	2	0	31	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14705	2022606503	Hoàng Thị Khánh Ly	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.87	73	Khá	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14723	2022602077	Lê Bảo Long	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.86	72	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14724	2022604307	Phạm Huy Nam	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.86	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14733	2022605684	Lê Thế Anh	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.85	81	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14734	2022603253	Nguyễn Lê Bảo Phúc	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.85	81	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14739	2022600664	Trần Phan Anh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.85	76	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14740	2022601494	Bùi Tiến Dũng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.85	73	Khá	2	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14741	2022607527	Nguyễn Đình Tiềm	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.85	73	Khá	1	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14742	2022607189	Lê Ngọc Bắc	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.85	72	Khá	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14743	2022603854	Nguyễn Mạnh Quỳnh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.85	71	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14757	2022607192	Hồ Thức Khánh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.84	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14760	2022603402	Ngô Văn Thoại	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.84	77	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14764	2022602320	Nguyễn Phúc Lộc	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.84	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14765	2022605743	Nguyễn Đức Thanh	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.84	72	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14775	2022604799	Nghiêm Văn Thái	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.83	78	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14777	2022603381	Nguyễn Quốc Vinh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.83	76	Khá	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14779	2022605663	Hoàng Hải Hưng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.83	73	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
14780	2022604659	Nguyễn Tất Luân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.83	73	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14801	2022605379	Nguyễn Thị Viện	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.82	80	Tốt	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6
14807	2022601539	Nguyễn Duy Thành	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.82	77	Khá	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14810	2022605819	Nguyễn Đức Quyết	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.82	73	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14826	2022605044	Nguyễn Trọng Thế	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.81	75	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14827	2022604727	Nguyễn Thị Xuân Mai	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.81	73	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
14828	2022606450	Trần Thị Phượng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.81	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14836	2022606816	Ngọ Văn Long	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.80	79	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14841	2022606058	Trần Đức Đạt	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.80	76	Khá	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14843	2022604891	Trần Thị Thu	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.80	71	Khá	1	0	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14854	2022602126	Trần Phương Trang	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.79	83	Tốt	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14862	2022606929	Nguyễn Phương Anh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.79	72	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14863	2022601193	Trần Văn Hội	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.79	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14877	2022602331	Nguyễn Tiến Đạt	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.78	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14878	2022606104	Đặng Văn Phúc	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.78	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14879	2022603207	Nguyễn Văn Anh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.78	73	Khá	1	0	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14880	2022607009	Đỗ Bình Dương	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.78	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14881	2022600941	Lê Trung Hiếu	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.78	71	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14882	2022606883	Đậu Đức Khánh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.78	70	Khá	4	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14896	2022601882	Trịnh Đức Huy	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.77	74	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14901	2022601892	Nguyễn Đình Hùng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.77	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14902	2022602972	Vũ Tiến Thành	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.77	73	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14904	2022605177	Nguyễn Anh Vũ	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.77	72	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14915	2022607430	Phạm Thanh Tùng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.76	73	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14916	2022600632	Phan Bá Quân	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.76	71	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14932	2022606729	Nguyễn Duy Đông	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.75	73	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14933	2022605886	Trần Thị Phương Thảo	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.75	73	Khá	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14935	2022601905	Phùng Đức Minh An	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.75	72	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14936	2022603350	Lê Thiện Lâm	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.75	72	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14956	2022605135	Đặng Trần Xuân Dương	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.73	80	Tốt	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14965	2022606878	Trần Đình Tây	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.73	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14974	2022601536	Lê Hữu Toàn	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.72	80	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
14978	2022603160	Lê Huy Tâm	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.72	74	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14979	2022605029	Nguyễn Văn Đức	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.72	73	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14980	2022605754	Nguyễn Văn Dũng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.72	73	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14981	2022602321	Võ Huy Hoàng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.72	72	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14982	2022600953	Đào Đức Tài	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.72	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
14997	2022600361	Mai Lộc Thọ	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.71	78	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15007	2022605005	Nguyễn Hiền Long	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.71	73	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15021	2022606974	Nguyễn Đăng Đạt	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.70	74	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15025	2022600846	Lê Tuấn Anh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.70	70	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
15037	2022601950	Nguyễn Trung Kiên	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.69	73	Khá	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15038	2022604751	Mai Thạch Đoàn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.69	73	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15039	2022604215	Hà Huy Cường	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.69	71	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15040	2022600826	Đỗ Văn Công	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.69	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15061	2022605205	Nguyễn Đức Trung	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.68	72	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15076	2022601749	Nguyễn Quang Huy	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.67	74	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15078	2022602270	Hoàng Quốc Huy	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.67	72	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15080	2022601655	Tạ Hoàng Tuấn Dũng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.67	71	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15081	2022606582	Nguyễn Quang Thành	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.67	70	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15082	2022606548	Phạm Anh Tú	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.67	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15083	2022606367	Nguyễn Văn Minh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.67	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15095	2022605697	Nguyễn Văn Đồng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	80	Tốt	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15105	2022606969	Đào Trung Quân	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.66	73	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15108	2022600364	Nguyễn Minh Đức	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15109	2022603145	Nguyễn Đức Toàn	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15110	2022606293	Phạm Văn Thái	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	70	Khá	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15112	2022601201	Lưu Quang Thắng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	68	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15113	2022603714	Đinh Xuân Lộc	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.66	67	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15129	2022600682	Phan Đỗ Hoàng Linh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.65	76	Khá	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15130	2022602277	Đào Mạnh Nguyên	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.65	71	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15143	2022603729	Đặng Tuấn Nguyên	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.64	71	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15144	2022603477	Trần Văn Tôn	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.64	71	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15145	2022605270	Trần Anh Dũng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.64	70	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15146	2022601184	Nguyễn Viết Hoàng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.64	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15194	2022603426	Vũ Thế Dương	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.62	71	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15195	2022607450	Lường Minh Anh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.62	70	Khá	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
15206	2022601068	Nguyễn Quang Thắng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.61	80	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15208	2022604633	Nguyễn Văn Ba	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.61	77	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15209	2022605141	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.61	75	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15216	2022605965	Nguyễn Đức Toản	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.61	72	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15217	2022607758	Nguyễn Thành Hậu	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.61	70	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15218	2022602234	Phạm Đức Mạnh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.61	68	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15220	2022600999	Bùi Văn Thắng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.61	65	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15239	2022605630	Nguyễn Nguyên Giáp	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.60	73	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15242	2022601053	Trần Duy Thành	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.60	70	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15243	2022602142	Lê Đức Tùng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.60	69	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15270	2022602593	Trần Nguyên Hùng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.59	73	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15271	2022605368	Ngô Minh Đức	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.59	73	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15272	2022601039	Đào Tuấn Hưng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.59	71	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15273	2022607579	Nguyễn Thế Cung	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.59	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15289	2022603472	Hoàng Quốc Đạt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.58	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15290	2022605378	Nguyễn Thanh Dương	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.58	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15291	2022607242	Hoàng Văn Lâm	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.58	68	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15292	2022601903	Nguyễn Quốc Trường	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.58	67	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15293	2022603603	Hoàng Văn Huy	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.58	67	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15315	2022605507	Nguyễn Hữu Phúc	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.57	73	Khá	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15316	2022605956	Nguyễn Tùng Lâm	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.57	72	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15317	2022606471	Nguyễn Xuân Tiến	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.57	72	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15332	2022602143	Nguyễn Mạnh Hùng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.56	75	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; RL < 80
15333	2022607675	Bùi Quốc Anh	2022DHDTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.56	71	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15335	2022606242	Nguyễn Quang Thắng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.56	70	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15336	2022602751	Phạm Thu Hà	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.56	67	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15337	2022600774	Nguyễn Thành Đạt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.56	67	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15354	2022602268	Nguyễn Văn Quân	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.55	73	Khá	3	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15355	2022607130	Nguyễn Văn Tiến	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.55	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15358	2022607523	Nguyễn Trung Hiếu	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.55	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15390	2022600943	Lê Quang Huy	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.54	68	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15392	2022602207	Ngô Đại Cường	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.54	65	Khá	3	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15403	2022603265	Trần Thanh Trang	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.53	80	Tốt	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15412	2022602099	Trần Ngọc Tùng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.53	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15413	2022606246	Trần Quang Diện	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.53	72	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15414	2022602476	Đoàn Mạnh Quân	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.53	70	Khá	2	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15415	2022607609	Trần Hải Nam	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.53	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15416	2022604441	Lê Bá Mạnh Cường	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.53	70	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15417	2022604008	Hoàng Mạnh Hải	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.53	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15418	2022606898	Nguyễn Minh Tuấn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.53	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15449	2022602856	Nguyễn Việt Hoàng	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.52	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15450	2022605977	Nguyễn Minh Quang	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.52	70	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15451	2022603649	Trần Viết Sỹ	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.52	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15452	2022603775	Hà Huy Hoàng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.52	69	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15503	2022605890	Trần Viết Thoại	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.50	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15504	2022605741	Cao Sỹ Tú	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.50	70	Khá	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15505	2022607341	Lưu Văn Thái	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.50	70	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15506	2022603299	Nguyễn Thị Bích Loan	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.50	68	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15507	2022604014	Nguyễn Đức Trung	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.50	67	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15513	2022605973	Nguyễn Thành Long	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.49	77	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15516	2022604734	Phạm Vũ Gia Khiêm	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.49	65	Khá	2	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15523	2022603888	Phạm Ngọc Trung Dũng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.48	80	Tốt	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15533	2022601938	Đặng Giáp Anh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.48	72	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15536	2022605894	Nguyễn Bùi Trọng	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.48	70	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15537	2022601684	Hoàng Thiện Đức	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.48	68	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15549	2022603951	Vũ Thị Thái Bảo	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	83	Tốt	3	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15558	2022606771	Trần Quốc Việt	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	81	Tốt	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15564	2022606782	Dương Thị Lan Hương	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	75	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15566	2022605944	Trương Khoa An	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.47	72	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15567	2022604721	Nguyễn Văn Sắc	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	70	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15568	2022606046	Lương Đức Hiệp	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	70	Khá	2	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15569	2022606845	Trần Bá Sang	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15570	2022602301	Nguyễn Văn Hoàng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.47	70	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15571	2022601958	Nguyễn Tiến Đạt	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	67	Khá	3	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15572	2022607276	Nguyễn Văn Vũ	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	67	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15573	2022600920	Thang Văn Dương	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.47	65	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15599	2022607685	Đỗ Trọng Hưng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.46	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
15600	2022605447	Nguyễn Minh Phúc	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.46	70	Khá	4	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15601	2022602765	Lê Anh Đức	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.46	67	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15611	2022600349	Chử Ngọc Hoài Nam	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.45	78	Khá	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15617	2022607389	Nguyễn Xuân Thiện	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.45	73	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15619	2022605581	Đặng Quang Đức	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.45	72	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15621	2022603669	Nguyễn Phương Nam	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.45	68	Khá	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15624	2022602239	Tô Đình Nhu	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.45	67	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15634	2022602755	Nguyễn Công Tài	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.44	80	Tốt	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15640	2022600977	Lê Đức Công	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.44	75	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15641	2022601593	Lý Quang Hinh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.44	71	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15642	2022604380	Đỗ Hữu Ánh	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.44	68	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15643	2022601608	Nguyễn Hải Đăng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.44	66	Khá	3	0	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15645	2022601118	Trần Văn Chính	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.43	87	Tốt	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15668	2022605334	Đỗ Mạnh Quang	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.43	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15673	2022607747	Bùi Minh Nghĩa	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.43	67	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15678	2022606021	Đặng Thị Phương Thanh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	87	Tốt	4	2	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15686	2022604718	Nguyễn Đăng Quang	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15687	2022605527	Chu Khắc Quân	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15688	2022606071	Nguyễn Tuyển Duẩn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.42	70	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15689	2022606785	Lại Quốc Bảo	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.42	69	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15690	2022601998	Hà Minh Kiên	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15691	2022605951	Vũ Thanh Tùng	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	66	Khá	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15692	2022604119	Hoàng Văn Thắng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.42	65	Khá	4	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15714	2022605275	Ngô Quang Thắng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.41	70	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15715	2022606906	Phạm Viết Tuấn Anh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.41	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15718	2022602670	Nguyễn Công Hiếu	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.41	65	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15727	2022605974	Nguyễn Thành Đạt	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.40	70	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15731	2022605460	Nguyễn Văn Bình	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.40	67	Khá	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15732	2022603476	Hồ Sỹ Khoái	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.40	64	bình	2	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15733	2022604833	Phan Đức Hào	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	85	Tốt	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15753	2022602740	Trần Lê Việt Huy	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	73	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15757	2022605869	Hoàng Minh Sơn	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	70	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15763	2022601511	Vũ Đức Sơn	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	64	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15764	2022602962	Trịnh Xuân Trường	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	64	bình	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15765	2022603899	Ngô Văn Tùng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.39	61	bình	3	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15766	2022606780	Nguyễn Văn Bình	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	86	Tốt	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15787	2022605039	Vũ Hoàng Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15788	2022607315	Ngô Tuấn Thành	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	70	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15789	2022603638	Nguyễn Văn Khánh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.38	70	Khá	2	0	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15792	2022602015	Nguyễn Lan Anh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	68	Khá	4	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15794	2022601351	Trần Đức Long Nhật	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	67	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15795	2022602110	Nguyễn Văn Công	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	66	Khá	1	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15796	2022605529	Đinh Trung Hiếu	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15797	2022600825	Nguyễn Quang Huy	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	64	bình	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15798	2022600375	Nguyễn Đình Văn	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.38	64	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15811	2022600631	Phí Vũ Minh Quân	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.37	78	Khá	2	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15814	2022602621	Nguyễn Thị Lan Anh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.37	75	Khá	2	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15816	2022607332	Nguyễn Việt Hoàng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.37	72	Khá	3	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15819	2022605058	Trần Anh Quân	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.37	70	Khá	2	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15849	2022606032	Nguyễn Ngọc Tuấn	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.36	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15850	2022603575	Vũ Linh Khôi	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.36	63	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15851	2022604932	Lộ Thị Hà	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.36	63	bình	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15871	2022602987	Trần Hoàng Bảo Long	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.35	67	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15872	2022605934	Võ Thanh Hải	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.35	65	Khá	2	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15873	2022605693	Dương Vi Tâm	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.35	65	Khá	4	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15874	2022606693	Phạm Minh Đức	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.35	65	Khá	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15888	2022603470	Nguyễn Hoàng Minh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.34	73	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15896	2022602686	Ngô Văn Quý	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.34	67	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15899	2022602687	Phạm Sơn Trà	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.34	65	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15900	2022606248	Đặng Trọng Sơn	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.34	65	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15901	2022606117	Vũ Tiến Thuần	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.34	65	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15915	2022601010	Nguyễn Công Thái	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.33	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15918	2022606089	Nguyễn Hồng Thái	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	69	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15921	2022606292	Lê Thanh Hòa	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15922	2022605011	Phạm Lương Long	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.33	65	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15923	2022600793	Sái Hoàng Tùng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.33	64	bình	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15953	2022602958	Phùng Văn Bắc	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.32	70	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
15957	2022602867	Nguyễn Đắc Anh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.32	67	Khá	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15963	2022601725	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.31	82	Tốt	4	1	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
15977	2022606626	Đàm Hữu Quang	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.31	70	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15978	2022600400	Nguyễn Minh Tân	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.31	69	Khá	3	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15979	2022604940	Bùi Hà Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.31	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
15993	2022605197	Cao Trọng Sang	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.30	80	Tốt	3	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16006	2022607607	Lê Xuân Trường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.30	66	Khá	1	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16007	2022606434	Vũ Quang Huy	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.30	65	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16008	2022606037	Nguyễn Anh Tuấn	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.30	65	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16009	2022602788	Nguyễn Văn Hiếu	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.30	64	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16012	2022603272	Lê Văn Nam	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.29	86	Tốt	3	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16035	2022606982	Trần Ngọc Huy	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.29	65	Khá	6	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16052	2022605109	Phạm Hoàng Minh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.28	72	Khá	4	1	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16054	2022601881	Vi Tuấn Kiệt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.28	68	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16055	2022603424	Vũ Thế Anh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	66	Khá	6	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16056	2022605137	Hoàng Phi Long	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16057	2022605695	Vũ Quang Đông	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16058	2022607089	Ngô Khắc Huy	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16059	2022607605	Đào Ngọc Hiếu	2022DHDTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16060	2022600965	Phùng Long Biên	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.28	64	bình	5	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16079	2022607495	Đoàn Thị Mỹ	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.27	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16080	2022606854	Trương Văn Tấn	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.27	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16081	2022606098	Vũ Viết Chiến	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.27	65	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16082	2022606423	Bùi Công Trường	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.27	65	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16117	2022607063	Lê Văn Thái Bảo	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.25	68	Khá	3	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16119	2022607000	Trương Văn Duy	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.25	64	bình	4	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16125	2022603068	Ngô Xuân Bắc	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.24	82	Tốt	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16126	2022605041	Lê Thị Hoa	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.24	82	Tốt	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16143	2022604837	Nguyễn Hữu Đức	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.24	70	Khá	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16145	2022604502	Trần Văn Lợi	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.24	64	bình	4	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16146	2022604405	Phạm Hoàng Thắng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.24	63	bình	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16173	2022606445	Nguyễn Thị Khánh Linh	2022DHDTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	68	Khá	2	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16175	2022605432	Nguyễn Văn Mỹ	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16176	2022607545	Phạm Văn Đức	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16177	2022605388	Nguyễn Đăng Ninh	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	65	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16178	2022606279	Bùi Văn Tùng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	65	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16179	2022607637	Dương Văn Khuê	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.23	64	bình	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16180	2022605013	Nguyễn Công Hinh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.23	63	bình	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16207	2022605824	Nguyễn Quang Nghĩa	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.22	67	Khá	2	0	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16208	2022605249	Hoàng Văn Nam	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.22	66	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16209	2022601794	Thái Lâm Hoàng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.22	65	Khá	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16210	2022603291	Nguyễn Công Phúc	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.22	64	bình	3	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16233	2022601134	Quách Văn Tài	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.21	67	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16235	2022602614	Lê Duy Trình	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.21	65	Khá	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16236	2022603931	Trịnh Thanh Long	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.21	65	Khá	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16237	2022600363	Nguyễn Phan Hùng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.21	64	bình	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16238	2022602798	Trương Hữu Thành Danh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.21	64	bình	5	0	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16240	2022602700	Vũ Duy Thanh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.20	87	Tốt	4	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16262	2022606643	Thân Văn Nam	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	67	Khá	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16263	2022604996	Đinh Thị Ninh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.20	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16264	2022605888	Nguyễn Vũ Minh Quân	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16265	2022607398	Hà Thọ Quang Huy	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.20	66	Khá	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16266	2022605348	Nguyễn Nhân Mạnh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.20	66	Khá	3	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16267	2022607738	Nguyễn Mạnh Trường	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.20	65	Khá	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16268	2022602542	Lê Huy Trung	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	62	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16270	2022604931	Đào Ngọc Hà	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.20	59	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16288	2022606697	Phạm Đức Toàn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.19	68	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16289	2022607550	Hoàng Xuân Việt	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	66	Khá	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16290	2022604870	Phạm Duy Khánh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	65	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16291	2022603465	Lê Đình Đạt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	64	bình	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16292	2022601076	Trần Mạnh Khôi	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.19	64	bình	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16293	2022602585	Trương Nhật Nam	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	62	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16294	2022607143	Đỗ Quốc Huy	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	62	bình	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16295	2022602224	Trần Quốc Anh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.19	61	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16297	2022607588	Lê Thị Ngọc Ánh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.18	85	Tốt	6	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16309	2022601598	Nguyễn Hồng Sơn	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.18	77	Khá	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16318	2022606944	Ngô Hải Đăng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.18	66	Khá	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
16319	2022602020	Ngô Phú Trường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.18	66	Khá	3	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16320	2022603763	Hằng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.18	64	bình	3	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16321	2022604218	Đoàn Văn Tiến	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.18	63	bình	3	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16334	2022607432	Dương Văn Mạnh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.17	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16335	2022607722	Phan Xuân Lực	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.17	65	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16336	2022606280	Nguyễn Khải Hoàn	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.17	65	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16337	2022607218	Nguyễn Anh Duy	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.17	65	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16338	2022603330	Bùi Văn Việt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.17	60	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16345	2022600831	Nguyễn Trung Kiên	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.16	80	Tốt	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16350	2022605126	Nguyễn Xuân Tùng	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.16	74	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16358	2022602200	Nguyễn Hữu Đăng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.16	66	Khá	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16359	2022604564	Vũ Bá Quang Minh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.16	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16360	2022606700	Phạm Đức Anh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.16	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16361	2022600657	Trần Đình Hoàng Anh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.16	65	Khá	5	0	31	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16363	2022601482	Phạm Văn Vương	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.16	64	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16384	2022601212	Nguyễn Hồng Quân	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.15	64	bình	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16385	2022607047	Đỗ Công Dũng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.15	62	bình	3	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16400	2022602977	Phạm Quang Nam	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.14	64	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16401	2022604356	Vũ Duy Đồng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.14	63	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16412	2022604400	Lê Thị Nam Nhàn	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.13	80	Tốt	5	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16431	2022602912	Lê Phương Liên	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.13	62	bình	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16432	2022605782	Đỗ Hoàng Thái	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.13	62	bình	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16433	2022606774	Chu Minh Hiếu	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.13	62	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16443	2022605959	Lê Hồng Quân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.12	64	bình	2	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16444	2022600877	Nguyễn Văn Ngọc Nam	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.12	62	bình	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16458	2022604579	Bùi Văn Hiệp	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.11	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16460	2022603801	Trần Huy Dũng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.11	65	Khá	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16461	2022604737	Nguyễn Văn Hoàng	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.11	65	Khá	7	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16463	2022605088	Phạm Đình Luân	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.11	64	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16464	2022601787	Trương Văn Hiếu	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.11	62	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16475	2022602498	Vũ Văn Việt	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.10	65	Khá	6	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16481	2022602874	Nguyễn Khánh Linh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.09	79	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16495	2022602831	Nguyễn Trường An	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	72	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16501	2022607535	Nguyễn Đức Hoàn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.09	66	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16503	2022603403	Bùi Quốc Đạt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	64	bình	5	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16504	2022603311	Nguyễn Văn Quốc	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	64	bình	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16505	2022606488	Hà Đình Đức	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.09	64	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16506	2022605017	Nguyễn Quang Huy	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	62	bình	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16507	2022604570	Hoàng Lê Minh Phú	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16508	2022607382	Hoàng Đức Mạnh	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	62	bình	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16509	2022602778	Nguyễn Thành Minh	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.09	61	bình	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16515	2022607785	Lưu Việt Hoàng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.08	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16521	2022600843	Nguyễn Tuấn Anh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.08	67	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16522	2022607860	Nguyễn Công Duy	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.08	66	Khá	4	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16523	2022606876	Bùi Văn Hùng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.08	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16524	2022604544	Phạm Thành Công	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.08	65	Khá	3	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16525	2022606331	Bùi Quý Tùng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.08	65	Khá	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16526	2022606200	Hoàng Văn Bình	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.08	62	bình	4	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16557	2022601114	Ngô Đức Mạnh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.07	62	bình	4	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16572	2022606882	Đỗ Hoàng Dũng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.06	69	Khá	5	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16573	2022605098	Ngô Tiến Hùng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.06	66	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16574	2022606054	Đỗ Đức Lâm	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.06	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16599	2022604341	Vũ Đức Thái	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.05	67	Khá	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16602	2022607855	Trần Công Tuấn Anh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.05	64	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16603	2022602311	Nguyễn Hữu Nam	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.05	62	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16621	2022600844	Nguyễn Đức Vũ	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.04	69	Khá	6	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16625	2022605069	Trần Đăng Hà	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.04	59	bình	6	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16639	2022606130	Nguyễn Huy Hoàng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.03	67	Khá	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16641	2022604413	Trần Ngọc Hải Long	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.03	64	bình	5	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16642	2022607404	Hoàng Minh Phúc	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.03	64	bình	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16643	2022605677	Nguyễn Cát Đăng Thành	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.03	62	bình	5	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16644	2022606706	Đỗ Mạnh Hoàng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.03	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16645	2022604547	Trần Xuân Hoàng	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.03	62	bình	5	1	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16646	2022605049	Nguyễn Khoa Đăng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.03	62	bình	4	0	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16650	2022602027	Tử Đức Giang	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.02	81	Tốt	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0
16674	2022601034	Dương Văn Phúc	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.02	64	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16675	2022605260	Ngô Quang Hưng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.02	64	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
16676	2022606676	Nguyễn Hải Đăng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.02	62	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16677	2022607076	Nguyễn Văn Nam	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2.02	62	bình	2	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16693	2022602895	Vương Văn Chính	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2.01	62	bình	3	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16743	2022607547	Trần Thị Phương	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2	64	bình	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16744	2022605915	Nguyễn Trường Giang	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16745	2022607459	Lưu Xuân Trường	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				2	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16746	2022606108	Đỗ Đức Quân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				2	62	bình	5	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16754	2022603764	Nguyễn Hợp Việt	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.99	60	bình	4	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16772	2022606019	Trần Đại Hiệp	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.98	62	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16773	2022601152	Cao Lê Duy An	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.98	62	bình	5	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16774	2022603487	Đào Văn Huân	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.98	61	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16788	2022605868	Nguyễn Xuân Hải	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.97	64	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16789	2022603339	Đỗ Tiến Sơn	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.97	63	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16790	2022604197	Trương Quản Bảo	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.97	62	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16791	2022605161	Nguyễn Đăng Tấn	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.97	62	bình	5	1	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16792	2022602963	Nguyễn Trịnh Trường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.97	60	bình	5	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16813	2022606696	Phạm Thành Công	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.96	69	Khá	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16840	2022606182	Lê Thái Dương	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.95	64	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16841	2022606059	Nguyễn Thị Yến Nhi	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.95	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16855	2022604783	Nguyễn Hiền Mạnh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.94	63	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16856	2022602986	Phạm Tiến Dũng	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.94	62	bình	2	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16857	2022602076	Phạm Quang Minh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.94	60	bình	3	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16858	2022603922	Trịnh Quốc Trường	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.94	58	bình	6	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16876	2022603016	Tạ Xuân Phong	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.93	64	bình	4	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16878	2022601132	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.93	62	bình	7	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16879	2022601619	Nguyễn Trọng Chính	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.93	62	bình	4	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16880	2022607207	Phạm Việt Hà	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.93	60	bình	5	0	28	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16890	2022602828	Nguyễn Minh Nhất	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.92	62	bình	4	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16891	2022601770	Hồ Văn Việt Anh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.92	60	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16892	2022606644	Đặng Thanh Thiện	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.92	60	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16893	2022602129	Đặng Minh Đức	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.92	59	bình	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16916	2022604518	Nguyễn Mạnh Cường	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	65	Khá	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16917	2022602241	Tạ Thị Thanh Tuyền	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	62	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16918	2022602233	Nguyễn Xuân Trường	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	60	bình	7	0	37	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16919	2022607111	Nguyễn Ngọc Hải	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	60	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16920	2022607128	Hoàng Mạnh Hưng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16921	2022600956	Trần Quang Huy	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	59	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16922	2022606629	Tô Sỹ Minh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.91	27	Kém	2	1	16	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16930	2022603909	Vũ Văn Đăng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.90	62	bình	5	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16931	2022607891	Lê Sỹ Quý	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.90	59	bình	4	1	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16950	2022607864	Phạm Minh Đức	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.89	62	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16951	2022602989	Nguyễn Việt Toàn	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.89	62	bình	5	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16952	2022605559	Phạm Quốc Cường	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.89	60	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16954	2022603999	Hoàng Trung Giang	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.89	55	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16976	2022603130	Nguyễn Anh Minh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.88	65	Khá	5	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16978	2022604611	Vũ Hải Nam	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.88	64	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16979	2022607185	Nguyễn Đức Trang	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.88	62	bình	6	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16980	2022606770	Lương Trung Hiếu	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.88	62	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16981	2022602743	Lại Đức Tùng	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.88	60	bình	5	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16982	2022606511	Nguyễn Hữu Quân	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.88	59	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16983	2022607162	Phan Đức Thuận	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.88	59	bình	6	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16984	2022606168	Trần Quang Minh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.88	59	bình	3	1	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
16985	2022604164	Phạm Xuân Khiêm	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.88	57	bình	5	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17009	2022606028	Nguyễn Ngọc Huy	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.86	69	Khá	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17016	2022602713	Trần Đức Lương	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.86	60	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17018	2022601862	Trịnh Đình Xuân	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.86	58	bình	7	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17035	2022605665	Nguyễn Vũ Nhật Minh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.85	59	bình	6	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17052	2022602805	Phạm Tiến Đạt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.84	67	Khá	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17054	2022601411	Nguyễn Hậu Phương	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.84	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17056	2022601167	Nhâm Sĩ Hùng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.84	60	bình	7	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17072	2022602933	Nguyễn Thế Trường	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.83	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17073	2022606472	Lê Đức Dương	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.83	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17074	2022600882	Nguyễn Văn Thuận	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.83	57	bình	8	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17075	2022601765	Trương Hoàng Anh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.83	57	bình	6	3	33	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17091	2022600791	Nguyễn Trí Kiên	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.82	60	bình	5	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17092	2022602090	Nguyễn Văn Cảnh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.82	59	bình	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17107	2022604628	Trương Thế Đạt	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.81	62	bình	7	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
17108	2022603196	Nguyễn Huy Hùng	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.81	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17109	2022600961	Nguyễn Tiến Dũng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.81	59	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17110	2022606489	Vũ Ngân Danh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.81	59	bình	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17111	2022606961	Nguyễn Quang Phong	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.81	59	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17128	2022604843	Nguyễn Hải Nam	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.80	60	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17129	2022605078	Nguyễn Văn Tuyến	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.80	59	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17130	2022604477	Vũ Đình Tuấn	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.80	56	bình	5	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17148	2022605428	Nguyễn Xuân Lộc	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.79	69	Khá	7	0	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17169	2022605498	Lưu Thị Phương	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.78	67	Khá	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17171	2022605307	Trần Hữu Quyết	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.78	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17172	2022606921	Phan Văn Triều	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.78	59	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17173	2022603983	Nguyễn Công Đức	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.78	59	bình	5	2	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17174	2022603871	Trương Minh Đức	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.78	57	bình	3	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17175	2022602359	Nguyễn Trung Kiên	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.78	57	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17176	2022603017	Phạm Đức Minh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.78	57	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17177	2022605816	Nguyễn Đăng Hải Nam	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.78	27	Kém	3	0	16	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17191	2022600610	Đinh Mạnh Trường	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.77	59	bình	6	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17193	2022604968	Nguyễn Văn Thắng	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.77	57	bình	6	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17207	2022602195	Nguyễn Đức Khang	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.76	56	bình	5	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17214	2022607819	Nguyễn Đức Duy	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.75	62	bình	5	1	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17215	2022603484	Đoàn Văn Huấn	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.75	60	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17216	2022602100	Phạm Bảo Dương	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.75	57	bình	6	1	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17217	2022600663	Trần Công Minh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.75	57	bình	5	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17218	2022605038	Phạm Văn Thái	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.75	57	bình	6	1	32	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17219	2022602102	Nguyễn Trọng Thái	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.75	55	bình	8	2	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17234	2022602237	Đoàn Minh Thư	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.74	62	bình	9	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17235	2022604395	Nguyễn Đắc Thông	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.74	57	bình	8	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17245	2022605235	Nguyễn Lê Huy Giáp	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.73	65	Khá	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17247	2022607298	Nguyễn Trọng Hoàng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.73	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17248	2022605633	Bùi Hữu Nghĩa	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.73	59	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17250	2022604412	Lại Trung Hiếu	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.73	57	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17251	2022605024	Đặng Quang Thành	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.73	57	bình	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17269	2022603155	Nguyễn Thành Đạt	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.72	60	bình	4	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17270	2022606814	Phạm Đăng Học	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.72	60	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17271	2022600754	Nguyễn Viết Vinh	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.72	60	bình	4	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17272	2022607780	Hoàng Công Thành	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.72	59	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17273	2022607050	Nguyễn Hoàng Đức	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.72	57	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17302	2022601530	Nguyễn Đắc Vinh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.70	62	bình	5	2	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17303	2022606148	Ngô Huy Đạt	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.70	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17304	2022605158	Mạc Văn Nam	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.70	59	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17305	2022602627	Phạm Đình Thọ	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.70	57	bình	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17306	2022603020	Lương Thị Chúc	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.70	55	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17319	2022601157	Nguyễn Quang Trường	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.69	62	bình	6	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17320	2022607879	Đặng Minh Hoàng	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.69	62	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17321	2022605251	Vũ Trường An	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.69	60	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17322	2022606283	Nguyễn Văn Khánh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.69	60	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17323	2022607518	Nguyễn Mạnh Hiệp	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.69	60	bình	6	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17324	2022604571	Hoàng Văn Tính	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.69	59	bình	8	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17337	2022600890	Tống Xuân Tùng	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.68	62	bình	8	1	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17353	2022604688	Nguyễn Ngọc Quang	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.67	59	bình	4	2	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17355	2022604915	Lê Văn Tú	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.67	57	bình	6	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17356	2022606179	Lê Bá Hiếu	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.67	57	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17371	2022604517	Mai Đức Tuyền	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.66	58	bình	6	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17385	2022605867	Nguyễn Hữu Duy	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.65	57	bình	7	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17386	2022604114	Nguyễn Đức Tuyên	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.65	57	bình	6	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17387	2022603961	Hoàng Quốc Việt	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.65	55	bình	7	0	36	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17396	2022603810	Nguyễn Tuấn Nghĩa	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.64	61	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17397	2022606762	Nguyễn Đức Dương	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.64	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17398	2022602362	Nguyễn Đình Nam	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.64	59	bình	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17399	2022601476	Nguyễn Duy Quân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.64	59	bình	4	1	28	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17400	2022604846	Nguyễn Ngọc Thạch	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.64	57	bình	8	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17401	2022606462	Lê Minh Chiến	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.64	57	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17402	2022604778	Hoàng Ngọc Quang	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.64	57	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17413	2022604930	Nguyễn Học Nam	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.63	65	Khá	5	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17414	2022603263	Đoàn Quốc Tuấn	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.63	57	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17415	2022605933	Phạm Xuân Giáp	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.63	57	bình	7	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17416	2022607014	Đỗ Khắc Hoàng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.63	57	bình	8	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
17417	2022604834	Phạm Ngọc Tiến	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.63	55	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17418	2022605542	Đặng Ngọc Duy	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.63	55	bình	8	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17430	2022601999	Nguyễn Trung Hiếu	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.62	55	bình	5	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17431	2022600343	Đặng Ngọc Hải	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.62	55	bình	4	2	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17453	2022607003	Lê Thanh Tùng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	62	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17454	2022606342	Đỗ Ngọc Hoan	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	60	bình	6	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17455	2022605122	Đặng Văn Hiển	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	59	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17456	2022601946	Trần Quốc Toàn	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	57	bình	8	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17457	2022606821	Ngô Quang An	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	57	bình	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17458	2022602937	Ngô Đức Toàn	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.61	57	bình	7	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17459	2022605094	Nguyễn Đức Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.61	55	bình	8	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17460	2022602168	Nguyễn Thanh Lâm	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.61	55	bình	8	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17483	2022603874	Nguyễn Đức Tài	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.59	55	bình	6	3	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17488	2022605374	Lê Quốc Dũng	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.58	59	bình	9	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17489	2022606133	Đỗ Hữu Phước	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.58	57	bình	7	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17490	2022607131	Trần Minh Hiếu	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.58	57	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17491	2022601743	Mai Trung Hiếu	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.58	55	bình	5	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17492	2022604092	Nguyễn Khắc Nghĩa	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.58	55	bình	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17493	2022607105	Nguyễn Văn Cường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.58	55	bình	6	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17507	2022605760	Trần Quốc Trung	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.57	55	bình	7	2	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17512	2022605893	Bùi Xuân Đức	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.56	57	bình	8	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17530	2022606685	Quách Hữu Tân	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.55	57	bình	8	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17531	2022604293	Ngô Văn Tiến	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.55	55	bình	7	2	31	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17539	2022603561	Nguyễn Đình Huy	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.54	68	Khá	6	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17550	2022604955	Đặng Thế Khải	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.53	57	bình	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17551	2022607043	Nguyễn Đình Tú	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.53	57	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17552	2022605512	Đỗ Hoàng Phúc	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.53	55	bình	9	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17553	2022603773	Nguyễn Tùng Dương	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.53	52	bình	7	4	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17573	2022605021	Cao Đình Duy	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.52	57	bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17574	2022607118	Lê Đức Duy	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.52	57	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17575	2022606045	Đào Nguyễn Tuấn Sơn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.52	52	bình	5	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17581	2022605475	Trần Xuân Sơn	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.51	59	bình	9	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17598	2022604608	Nguyễn Trọng Thái	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.50	59	bình	7	2	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17599	2022605609	Phạm Quốc Việt	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.50	55	bình	6	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17606	2022605815	Vũ Minh Hương	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.49	55	bình	9	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17621	2022607878	Vũ Hoàng Thế Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.48	67	Khá	6	2	27	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17625	2022607405	Nguyễn Bá Dũng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.48	57	bình	9	0	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17633	2022604453	Lê Hồng Giáp	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.47	52	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17640	2022606261	Trần Đại Giang	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.46	55	bình	8	2	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17654	2022605541	Ninh Quang Linh	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.45	57	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17663	2022606175	Tạ Quang Duy	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.44	55	bình	9	1	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17670	2022606726	Giáp Văn Hoàng Hiệp	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.43	52	bình	10	1	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17674	2022604590	Vũ Tuấn Anh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.42	67	Khá	6	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17676	2022606645	Trần Quang Khải	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.42	55	bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17697	2022606532	Dương Văn Sang	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.39	55	bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17698	2022607121	Nguyễn Quang Tùng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.39	55	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17699	2022605631	Nguyễn Mạnh Tường	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.39	52	bình	7	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17711	2022602219	Lê Bá Hữu	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.38	55	bình	6	4	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17723	2022604401	Nguyễn Văn Vũ Hiệp	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.36	65	Khá	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17724	2022602612	Hoàng Công Tuấn	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.36	55	bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17725	2022606355	Đào Đình Minh Hùng	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.36	55	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17726	2022603832	Bùi Quang Hải	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.36	52	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17727	2022604950	Nguyễn Phú An	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.36	52	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17728	2022600347	Đỗ Tiến Đạt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.36	52	bình	6	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17738	2022606017	Đỗ Hữu Vương	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.35	55	bình	7	3	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17747	2022604853	Đinh Quốc Đạt	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.34	57	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17748	2022604099	Nguyễn Như Hưng	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.34	52	bình	6	2	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17749	2022607083	Trần Đình Ngọc	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.34	25	Kém	4	2	16	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17750	2022602644	Nguyễn Văn Thành	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.33	77	Khá	6	3	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17768	2022604713	Bùi Đức Huy	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.32	55	bình	6	3	28	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17775	2022606890	Nguyễn Tiến Dũng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.31	59	bình	6	5	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17776	2022607221	Trần Văn An	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.31	55	bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17796	2022604015	Nguyễn Văn Vĩnh	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.28	53	bình	9	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17802	2022607745	Nguyễn Võ Đức Long	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.27	52	bình	8	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17840	2022607501	Đinh Gia Lượng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.22	55	bình	8	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17841	2022603267	Nguyễn Minh Dương	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.22	52	bình	6	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17854	2022607822	Bùi Trọng Bình	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.19	62	bình	7	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
17858	2022602625	Phạm Quang Khải	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.18	55	bình	10	3	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17865	2022601205	Vũ Ngọc Việt	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.17	52	bình	9	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17866	2022607030	Vũ Anh Quân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				1.17	52	bình	8	4	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17867	2022600301	Phạm Quang Khôi	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.17	51	bình	9	3	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17871	2022606853	Lê Tuấn Thành	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.16	52	bình	7	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17872	2022606345	Nguyễn Đức Công	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.16	25	Kém	4	2	16	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17881	2022606810	Nguyễn Đức Minh	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.15	53	bình	7	3	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17900	2022606641	Đỗ Tùng Dương	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.09	52	bình	9	3	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17902	2022603543	Hoàng Minh Điền	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.08	53	bình	8	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17915	2022604043	Lê Xuân Thiện	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.05	52	bình	8	5	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17922	2022601702	Nguyễn Minh Tuấn	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.03	53	bình	9	4	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17931	2022603184	Nguyễn Văn Diện	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1.02	55	bình	7	4	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17934	2022603246	Nguyễn Văn Vương	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				1	52	bình	10	4	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17944	2022602008	Nguyễn Xuân Hùng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.97	53	bình	9	5	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17945	2022603996	Vũ Anh Đức	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.97	52	bình	11	5	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17963	2022607671	Nguyễn Minh Hải	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.88	52	bình	10	5	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17964	2022601732	Nguyễn Lê Hoàn	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.88	50	bình	10	5	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17976	2022604729	Đồng Phương Minh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.83	50	bình	9	5	29	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17984	2022605785	Phạm Hồng Sơn	2022DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.77	50	bình	9	5	26	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
17992	2022602300	Lê Hoài Đức	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				0.68	47	Yếu	9	6	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
18003	2022605170	Nguyễn Văn Linh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				0.55	42	Yếu	10	8	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		#N/A		Không đạt	Điểm TBC < 3.6; Có HP < 2.0; RL < 80
132	2020601826	Nguyễn Thị Linh	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.72	98	sắc	0	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
139	2020607850	Vũ Thế Bảo	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.68	92	sắc	0	0	33	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		dân tộc	0	Không đạt	ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK; Đã nhận HB
153	2020603041	Nguyễn Bá Tùng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.62	94	sắc	0	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
168	2020604215	Hoàng Quang Vinh	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.60	92	sắc	0	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
169	2020601261	Vũ Thế Anh	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.60	92	sắc	0	0	45	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
171	2020605776	Phạm Minh Sáng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.59	92	sắc	0	0	41	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
188	2020603485	Nguyễn Quốc Thuận	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.54	92	sắc	0	0	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
212	2020605707	Phan Văn Kiên	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.48	90	sắc	0	0	44	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
219	2020601376	Nguyễn Đại Hồng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.47	95	sắc	1	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
227	2020600711	Trịnh Phạm Như Quỳnh	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.46	91	sắc	0	0	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023 và
252	2020600117	Nguyễn Quang Vũ	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.42	93	sắc	0	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
255	2020600459	Trần Văn Tùng	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.42	91	sắc	0	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
286	2020607745	Trần Thành Công	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.38	91	sắc	0	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
303	2020607928	Diệp Thị Hiền	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.35	94	sắc	0	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		dân tộc	0	Không đạt	ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK; Đã nhận HB
306	2020600582	Dương Đức Thắng	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.35	90	sắc	0	0	40	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
314	2020603095	Nguyễn Duy Thái	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.34	91	sắc	0	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
317	2020608332	Đỗ Khắc Sơn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.34	88	Tốt	0	0	49	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
348	2020601410	Nguyễn Đắc Cương	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.30	94	sắc	0	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
354	2020604850	Nguyễn Đức Duy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.29	91	sắc	0	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
355	2020604802	Đàm Ngọc Quang	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.29	91	sắc	0	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
364	2020600914	Nguyễn Kim Bình	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.28	95	sắc	0	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
376	2020605075	Vũ Trí Huy	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.27	92	sắc	1	0	47	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Niotri	0	Không đạt	Đã nhận Niotri
382	2020602044	Vũ Hữu Phương	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.26	92	sắc	0	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
384	2020603087	Dương Thị Huệ	2020DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	thông dữ liệu	#N/A				3.26	88	Tốt	2	0	35	37	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
444	2020602518	Đỗ Tuấn Anh	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.19	89	Tốt	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
460	2020603553	Khúc Thành Đô	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.17	91	sắc	0	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
476	2020601561	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.15	93	sắc	0	0	39	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
498	2020600625	Ngô Tuấn Anh	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.11	88	Tốt	1	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
502	2020608264	Ngô Văn Thắng	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.11	85	Tốt	0	0	36	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
510	2020602222	Ngô Anh Đức	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.10	92	sắc	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
512	2020601635	Ngô Ích Tuấn	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.10	91	sắc	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
529	2020607334	Trần Thị Thùy Trang	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.07	92	sắc	1	0	43	40	-	-	-	-	-	-	-	-		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
533	2020605658	Ngô Ngọc Tuấn	2020DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.06	86	Tốt	2	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
554	2020603688	Dương Thị Huyền	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				3.02	88	Tốt	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
575	2020608548	Bùi Hồng Phúc	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.99	86	Tốt	3	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		binh, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
581	2020602276	Đinh Đức Điền	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.98	90	sắc	1	0	48	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
601	2020605605	Nguyễn Tiến Mạnh	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.95	83	Tốt	0	0	41	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
610	2020604515	Nguyễn Thị Tươi	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.94	83	Tốt	0	0	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
614	2020607909	Đỗ Hải Nam	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.93	85	Tốt	1	0	43	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
640	2020603859	Nguyễn Văn Cao	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.89	84	Tốt	2	0	37	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
651	2020601742	Nguyễn Thị Thu Hiền	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.86	90	sắc	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
652	2020605653	Phạm Thùy Hiền	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.86	86	Tốt	1	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
657	2020606108	Vũ Văn Nguyên	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.85	84	Tốt	1	0	36	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
661	2020601768	Trần Anh Tuấn	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.84	81	Tốt	1	0	47	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
663	2020604254	Nguyễn Văn Duy	2020DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.83	86	Tốt	0	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
702	2020601723	Bùi Huy Hiếu	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.71	85	Tốt	2	0	45	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mất bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
720	2020602100	Nguyễn Thị Nhàn	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.63	81	Tốt	0	0	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
733	2020603060	Bùi Trung Nam	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.58	79	Khá	3	0	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
757	2020605296	Sầm Thị Hồng Vân	2020DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.41	79	Khá	4	0	46	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		dân tộc	0	Không đạt	ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK
766	2020607043	Phạm Hoàng Anh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.32	69	Khá	5	0	51	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
771	2020605994	Nguyễn Quý Công	2020DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.27	74	Khá	3	2	42	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
779	2020602472	Nguyễn Đức Thắng	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				2.24	70	Khá	3	0	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
793	2020608122	Nguyễn Tuấn Nam	2020DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.96	80	Tốt	4	2	42	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
797	2020603357	Nguyễn Xuân Sơn	2020DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.91	82	Tốt	2	1	27	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
803	2020607488	Nguyễn Như Hiếu	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.78	67	Khá	5	1	34	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
807	2020604574	Cao Việt Hoàng	2020DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				1.68	72	Khá	6	2	39	39	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
810	2020602079	Đặng Ngọc Tân	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.64	64	bình	7	1	38	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
811	2020607526	Vũ Nam Khánh	2020DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.63	69	Khá	7	1	35	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
813	2020604963	Tống Đình Thắng	2020DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				1.50	66	Khá	6	4	31	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		cha và mẹ	0	Không đạt	Đã nhận Mồ côi cả cha và mẹ
818	2020608555	Nguyễn Phú Minh	2020DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K15	viễn thông	#N/A				0.91	60	bình	6	4	22	40	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
858	2021606334	Đồng Minh Hoàng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.75	100	sắc	0	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
872	2021603411	Lê Trí Thanh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.73	92	sắc	0	0	42	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
874	2021605238	Ngọ Xuân Vân	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH				3.72	99	sắc	0	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
898	2021603881	Nguyễn Nhật Minh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.69	92	sắc	0	0	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
918	2021600940	Nguyễn Khánh Huyền	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.66	93	sắc	0	0	45	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023 và Niotri
929	2021602253	Vương Nhật Thành	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.64	96	sắc	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
943	2021602126	Nguyễn Văn Hưởng	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.61	100	sắc	0	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
957	2021600252	Hoàng Anh Tú	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH				3.60	93	sắc	0	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
982	2021603780	Nguyễn Văn Vũ	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.56	94	sắc	0	0	44	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
999	2021606590	Nguyễn Thị Hòa	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH				3.53	99	sắc	0	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1000	2021601049	Nguyễn Trường Dương	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.53	94	sắc	0	0	34	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1005	2021605970	Trần Sỹ Phong	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.52	96	sắc	1	0	41	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1008	2021606175	Nguyễn Cao Minh	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.51	93	sắc	0	0	38	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1013	2021606429	Nguyễn Việt Hoàng	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.50	95	sắc	0	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1015	2021601744	Đỗ Minh Tâm	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.50	92	sắc	1	0	43	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1020	2021600378	Nguyễn Huy Hoàng	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH				3.50	88	Tốt	1	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1025	2021603875	Trần Thái Toàn	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.49	96	sắc	0	0	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1078	2021607168	Nguyễn Khắc Quang	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.41	97	sắc	0	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1084	2021608294	Nguyễn Đình Tú	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.40	90	sắc	0	0	35	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1098	2021605932	Hoàng Hữu An	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.37	95	sắc	0	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1112	2021608126	Nguyễn Văn Thơ	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.35	88	Tốt	1	0	50	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1121	2021600100	Nguyễn Ngọc Trâm	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	Giải Nhất NCKH				3.33	90	sắc	0	0	55	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1130	2021606680	Phạm Văn Viên	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.31	95	sắc	0	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1137	2021605231	Trương Thị Vân	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.29	98	sắc	0	0	55	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1139	2021600852	Nguyễn Phú Vinh	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.29	88	Tốt	0	0	45	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1156	2021602070	Lại Đức Kiên	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.25	84	Tốt	0	0	51	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1170	2021602544	Nguyễn Thị Bích Thảo	2021DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.22	90	sắc	1	0	45	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1175	2021605014	Phạm Mai Hương	2021DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.21	92	sắc	1	0	40	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1176	2021602337	Trần Trọng Dân	2021DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.21	91	sắc	1	0	33	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1178	2021601130	Ngô Văn Chúc	2021DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.21	87	Tốt	0	0	39	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1185	2021603398	Nguyễn Đức Định	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.19	92	sắc	2	0	37	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1205	2021603973	Đào Minh Tuấn	2021DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.15	87	Tốt	1	1	36	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1222	2021602439	Hoàng Quốc Ty	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.12	85	Tốt	0	0	49	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		dân tộc	0	Không đạt	ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK
1243	2021605760	Nguyễn Đình Hiếu	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.07	86	Tốt	3	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1246	2021607722	Nguyễn Duy Chiến	2021DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				3.06	92	sắc	0	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1265	2021600379	Đinh Hữu Trường	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				3.01	87	Tốt	1	0	36	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1270	2021606011	Nguyễn Văn Huy	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.99	97	sắc	0	0	35	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1346	2021605419	Đỗ Thị Minh Lý	2021DHDTTT06	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				2.68	89	Tốt	1	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1363	2021601623	Nguyễn Hùng Mạnh	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				2.62	76	Khá	3	3	39	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1396	2021602912	Nguyễn Trường An	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.36	74	Khá	3	1	40	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
1417	2021605646	Lê Minh Đức	2021DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.24	75	Khá	3	3	23	38	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Niotri	0	Không đạt	Đã nhận Niotri
1424	2021606465	Tô Thị Huyền	2021DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K16	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.20	70	Khá	4	1	40	38	-	-	2,020	-	-	cột sống	-	-		dân tộc	0	Không đạt	thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo
1448	2021607981	Lèo Văn Việt	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.84	68	Khá	4	1	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		dân tộc	0	Không đạt	ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK
1457	2021608338	Vũ Minh Đức	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.67	62	bình	7	3	41	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
1464	2021608594	Trần Minh Đức	2021DHDTTT09	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.48	56	bình	6	3	31	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
1465	2021606375	Ngô Đức Bảo Lâm	2021DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K16	thông dữ liệu	#N/A				1.47	62	bình	9	1	38	34	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bộ công	0	Không đạt	chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao
1474	2021606222	Bùi Đình Tuấn	2021DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K16	viễn thông	#N/A				1.22	75	Khá	7	3	27	33	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		bình, con	0	Không đạt	bình, con liệt sĩ, con người hưởng chính
1501	2022607762	Nguyễn Thị Hà Trang	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.72	92	sắc	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1537	2022607204	Phạm Thu Hà	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.60	87	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1555	2022607230	Phạm Ngọc Hoàn	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.57	86	Tốt	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1566	2022600281	Phạm Đình Hoàng Sơn	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.55	85	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1580	2022602274	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.52	90	sắc	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1581	2022603273	Trần Quốc Khánh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.52	90	sắc	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo 150% ĐT1	SV bị khuyết tật 120% ĐT2	Mồ côi bố hoặc mẹ 120% ĐT3	SV không có bố hoặc mẹ 120% ĐT3	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật 120% ĐT4	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo 120% ĐT4	GĐ hộ nghèo năm 2023 100% ĐT5	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
1589	2022601016	Nguyễn Thị Mai Anh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.50	90	sắc	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1591	2022604260	Phạm Văn Tiến	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.50	85	Tốt	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1606	2022603523	Lê Quang Minh	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.47	90	sắc	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1609	2022603556	Nguyễn Thạc Huy	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.47	80	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1622	2022604078	Đào Xuân Hiếu	2022DHDTTT04	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.45	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1629	2022604068	Hồ Thiện Biển	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.43	85	Tốt	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1639	2022600405	Nguyễn Thanh Tuyền	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.41	91	sắc	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1643	2022603142	Trần Thọ Đức	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.41	86	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1649	2022606955	Trần Quang Trung	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.40	84	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK2 năm	0	Không đạt	2022-2023
1653	2022601728	Hoàng Duy Thắng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.39	90	sắc	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1657	2022607112	Nguyễn Anh Tú	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.39	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1670	2022600287	Nguyễn Quang Anh	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	viễn thông	#N/A				3.37	82	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1672	2022603498	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	thông dữ liệu	#N/A				3.37	80	Tốt	0	0	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		HK1 năm	0	Không đạt	2022-2023
1678	2022602509	Trần Văn Quyết	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.36	84	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1688	2022605482	Đỗ Đức Anh	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				3.34	85	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1691	2022602552	Đinh Quang Hiếu	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.33	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1717	2022607482	Tạ Thị Hồng	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.28	86	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1734	2022604707	Trần Thị Thủy Tiên	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.25	87	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1735	2022602070	Phạm Ngọc Hải	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.25	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1741	2022602290	Trần Danh Đạt	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.23	84	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1745	2022607567	Đỗ Hữu Kiên	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.22	78	Khá	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023
1752	2022601826	Hà Minh Quang	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.20	80	Tốt	0	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1754	2022601610	Lê Minh Chiến	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.20	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023
1759	2022606673	Trần Kim Anh	2022DHDTTT07	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.19	84	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1768	2022600830	Nguyễn Hoàng	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.17	84	Tốt	1	0	30	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1787	2022602841	Nguyễn Quốc Huy	2022DHDTTT03	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.13	80	Tốt	1	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1790	2022601744	Lê Văn Thắng	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.12	89	Tốt	0	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1804	2022601146	Nguyễn Thị Hoàng Yến	2022DHDTTT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.09	83	Tốt	2	0	34	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1807	2022601961	Nguyễn Danh Mạnh	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.09	76	Khá	2	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023
1814	2022607265	Nguyễn Thành Nam	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				3.06	79	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023
1844	2022604831	Lê Văn Mạnh	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				2.97	74	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
1850	2022601182	Trịnh Xuân Hoàng	2022DHDTTTTA01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				2.94	80	Tốt	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK1 năm học 2022-2023
1851	2022601679	Đỗ Minh Chiến	2022DHKTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.94	78	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Là con cán bộ công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động , mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	0	Không đạt	Đã nhận Là con cán bộ công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động , mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.
1870	2022604714	Nguyễn Văn Hậu	2022DHDTTT05	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				2.88	76	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023	0	Không đạt	Đã nhận Đã nhận HB HK2 năm học 2022-2023
1876	2022604072	Trần Đức Toàn	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.84	73	Khá	1	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo	0	Không đạt	Đã nhận Là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo
1917	2022607233	Hoàng Tiến An	2022DHDTTT08	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				2.61	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHLLVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động trên 61%	0	Không đạt	Đã nhận Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHLLVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động trên 61%
1948	2022606172	Vương Quốc Trung	2022DHKTMT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật máy tính	#N/A				2.36	70	Khá	3	0	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHL LVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động dưới 61%	0	Không đạt	Đã nhận Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHL LVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động dưới 61%
2003	2022601161	Nguyễn Duy Tân	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	#N/A				1.73	55	Trung bình	5	1	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK	0	Không đạt	Đã nhận Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK

STT	Mã sinh viên	Họ Tên	Lớp	Khoa quản lý	Khóa	Ngành	Giải nhất NCKH	KIỆN HỌC TẬP TỐI THIỂU CẦN			ĐIỂM ĐẠT TRONG NĂM HỌC							ĐỐI TƯỢNG								Tổng hợp Đối tượng từ 1 đến 7	Không thuộc đối tượng được xét do Đã nhận học bổng HaUI/KKHT/MGHP/NĐ57/Học bổng tài trợ 22-23		Kết quả xét HB NTB 22-23	Lý do Không được nhận HB NTB năm học 2022-2023
								Điểm điều kiện học tập tối thiểu theo đối tượng	Số tín chỉ tối thiểu theo đối tượng	Điểm rèn luyện tối thiểu cần đạt	TBCHT cả năm	Điểm rèn luyện cả năm	Xếp loại rèn luyện cả năm	Số HP < 2.0	Số HP <1.0	Số tín chỉ học	Số TC trong khung	SV bị mắc bệnh hiểm nghèo	SV bị khuyết tật	Mồ côi bố hoặc mẹ	SV không có bố hoặc mẹ	Bố hoặc mẹ bị khuyết tật	Bố hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo	GĐ hộ nghèo năm 2023	Trường hợp khác		Đã nhận	Không thuộc =0; Thuộc		
																		150%	120%	120%	120%	120%	120%	100%							
																		ĐT1	ĐT2	ĐT3	ĐT3	ĐT4	ĐT4	ĐT5							
2008	2022602447	Nguyễn Thị Hồng Thúy	2022DHDTTT02	Khoa Điện tử	ĐH K17	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	#N/A				1.61	58	Trung bình	8	2	32	32	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHLLVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động trên 61%	0	Không đạt	Đã nhận Con thương binh, con bệnh binh, con liệt sĩ, con người hưởng chính sách như thương binh, con người HĐKC bị nhiễm CĐHH , con AHLLVT, con AHLĐ trong kháng chiến bị suy giảm khả năng lao động trên 61%
2017	2022602046	Vi Nhị Nam	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	#N/A				1.25	52	Trung bình	6	3	28	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK	0	Không đạt	Đã nhận Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK
2021	2022606144	Lê Quang Trường	2022DHTTMT01	Khoa Điện tử	ĐH K17	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	#N/A				0.95	52	Trung bình	7	5	30	30	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A		Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK	0	Không đạt	Đã nhận Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có ĐK KTXH ĐBKK